

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001-2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Vũ Thị Ngân Anh
Người hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Mai Linh**

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI
TRƯỜNG THÀNH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Vũ Thị Ngân Anh
Người hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Mai Linh**

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Vũ Thị Ngân Anh

Mã SV: 1012401287

Lớp: QT1402K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH

Thương Mại và Vận Tải Trường Thành

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ)
 - Hệ thống hoá lý luận chung về tổ chức công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.
 - Mô tả và đánh giá thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Trường Thành
 - Đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Trường Thành

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu kế toán năm 2013 của Công ty TNHH thương mại và vận tải Trường Thành

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty TNHH thương mại và vận tải Trường Thành

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Mai Linh**

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Trường Thành

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Mai Linh

Hải Phòng, ngày..... tháng..... năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết.
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.
- Đảm bảo đúng tiến độ của đề tài theo thời gian đã quy định.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.

Chương 2, sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Trường Thành, có số liệu minh họa cụ thể (năm 2013). Số liệu minh họa từ chứng từ vào các sổ kế toán logic và hợp lý.

Chương 3, tác giả đã đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Trường Thành, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số:

Bằng chữ:

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP.....	2
1.1 Những vấn đề chung về tài sản cố định trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1 .Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.	2
1.1.2 Khái niệm ,đặc điểm và tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ.....	2
1.1.2.1 Khái niệm và đặc điểm TSCĐ.	2
1.1.2.2 Tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ	3
1.1.3 Phân loại và đánh giá TSCĐ.	4
1.1.3.1 Phân loại TSCĐ.....	4
1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp.	11
1.2.1 Kế toán chi tiết TSCĐ trong doanh nghiệp.	11
1.2.1.1 Tổ chức chứng từ kế toán.	11
1.2.1.2 Sổ sách kế toán chi tiết TSCĐ.....	12
1.2.1.3 Nội dung công tác kế toán chi tiết TSCĐ.....	12
1.2.2 Kế toán tổng hợp tăng,giảm TSCĐ trong doanh nghiệp.	12
1.2.2.1 Chứng từ sử dụng.	12
1.2.2.2 Tài khoản sử dụng.	12
1.2.3 Kế toán khấu hao TSCĐ.....	15
1.2.3.1 Xác định thời gian trích khấu hao của TSCĐ	15
1.2.3.2 Các phương pháp trích khấu hao TSCĐ.....	16
1.2.3.3 Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	19
1.2.4 Kế toán sửa chữa TSCĐ.	20
1.2.4.1 Phân loại sửa chữa TSCĐ.	20
1.2.4.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng.	21
1.2.4.3 Phương pháp hạch toán.	21
1.3 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp.....	22
1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	22
1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.....	23
1.3.5 Hình thức Kế toán máy.	27

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	28
TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI TRƯỜNG THÀNH	28
2.1 Khái quát chung về Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành.	28
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành.	28
2.1.2. Cơ cấu tổ chức quản lý tại Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành.	30
2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành.	32
2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành.	32
2.1.3.2 Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty.	34
2.1.3.3 Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản sử dụng.	34
2.1.3.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán.	34
2.1.3.5 Tổ chức hệ thống Báo cáo tài chính.	35
2.2 Thực trạng công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành.	36
2.2.1 Phân loại và đánh giá TSCĐ tại công ty	36
2.2.3 Kế toán tổng hợp tăng giảm TSCĐ.	38
2.2.4 Kế toán khấu hao TSCĐ	58
2.2.5 Kế toán sửa chữa TSCĐ	63
CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI TRƯỜNG THÀNH	80
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán TSCĐ tại Công ty	80
3.1.1. Ưu điểm của công tác kế toán TSCĐ tại Công ty	80
3.1.1.1 Về công tác kế toán nói chung	80
3.1.1.2 Về công tác hạch toán kế toán TSCĐ nói riêng.	81
3.1.2. Hạn chế:	81
3.1.2.1 Về công tác kế toán nói chung	81
3.1.2.2 Về công tác kế toán TSCĐ.	81

3.2 Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành.	82
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện	82
3.2.2 . Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định	83
tại công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành.	83
3.2.2.1 Hoàn thiện công tác kế toán chi tiết TSCĐ.....	83
3.2.2.3 Hiện đại hóa công tác Kế toán.	88
3.2.2.4.Một số giải pháp khác:	93
KẾT LUẬN	94
TÀI LIỆU THAM KHẢO	95

LỜI MỞ ĐẦU

Tài sản cố định (TSCĐ) là yếu tố quan trọng của quá trình sản xuất của xã hội. Hoạt động sản xuất thực chất là quá trình sử dụng các tư liệu lao động để tác động vào đối tượng lao động để tạo ra các sản phẩm phục vụ nhu cầu của con người. Đối với các doanh nghiệp, TSCĐ là nhân tố đẩy mạnh quá trình sản xuất kinh doanh thông qua việc nâng cao năng suất của người lao động và cắt giảm chi phí nhằm thực hiện mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận. Bởi vậy TSCĐ được xem như là thước đo trình độ công nghệ, năng lực sản xuất và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Đứng dưới góc độ kế toán, việc quản lý và sử dụng TSCĐ có ý nghĩa hết sức to lớn. Vì TSCĐ là vốn đầu tư dưới dạng tài sản, thường có giá trị lớn, chiếm tỷ trọng cao trong giá trị tài sản của doanh nghiệp, việc tăng giảm, khấu hao TSCĐ hợp lý giúp thúc đẩy sản xuất kinh doanh, thu hồi vốn nhanh và tái đầu tư, mở rộng sản xuất tiến tới phát triển bền vững. ..Do vậy công tác quản lý và sử dụng hiệu quả TSCĐ trở lên quan trọng hơn bao giờ hết.

Tuy nhiên, tại Việt nam, đa số các doanh nghiệp đã nhận thức được ý nghĩa to lớn của TSCĐ nhưng không phải doanh nghiệp nào cũng xây dựng cho mình kế hoạch, biện pháp quản lý sao cho chặt chẽ, hiệu quả và đồng bộ.

Vì vậy sau quá trình thực tập, tìm hiểu thực tế ở Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành em đã mạnh dạn lựa chọn đề tài

“Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty Thương mại và Vận tải Trường Thành”.

Ngoài lời nói đầu và kết luận, khóa luận tốt nghiệp của em gồm 3 chương:

Chương I: Lý luận chung về công tác Kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng công tác Kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành.

Trong quá trình thực tập tại Công ty mặc dù đã cố gắng hết sức, song do vốn hiểu biết còn hạn chế, thời gian tìm hiểu và học tập không dài, vì vậy khóa luận chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong nhận được sự góp ý của thầy cô và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

CHƯƠNG I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1 Những vấn đề chung về tài sản cố định trong doanh nghiệp

1.1.1 .Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.

Trong lịch sử phát triển nhân loại, các cuộc đại cách mạng công nghiệp đều tập trung vào giải quyết các vấn đề về cơ khí hoá, điện khí hoá, tự động hoá của quá trình sản xuất, đổi mới, hoàn thiện TSCĐ. Nhìn từ góc độ vĩ mô ta thấy: yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường là uy tín chất lượng sản phẩm của mình đưa ra thị trường nhưng đó chỉ là biểu hiện bên ngoài còn thực chất bên trong là các máy móc, thiết bị công nghệ chế biến có đáp ứng được yêu cầu sản xuất của doanh nghiệp hay không? TSCĐ là điều kiện quan trọng để tăng năng suất lao động xã hội và phát triển nền kinh tế quốc dân. Nó thể hiện một cách chính xác nhất năng lực và trình độ trang bị cơ sở vật chất của mỗi doanh nghiệp. TSCĐ được đổi mới và sử dụng có hiệu quả sẽ là một trong những yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói riêng và toàn bộ nền kinh tế nói chung.

1.1.2 Khái niệm ,đặc điểm và tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ

1.1.2.1 Khái niệm và đặc điểm TSCĐ.

Tài sản cố định (TSCĐ) trong các doanh nghiệp là những tư liệu lao động chủ yếu và các tài sản khác có giá trị lớn, tham gia nhiều vào chu kỳ sản xuất kinh doanh và giá trị của nó được chuyển dịch dần dần, từng phần vào giá trị sản phẩm, dịch vụ được sản xuất ra trong các chu kỳ sản xuất.

TSCĐ có một số đặc điểm chính như sau:

- TSCĐ tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh mà không thay đổi hình thái vật chất ban đầu.

- Giá trị sử dụng và giá trị của TSCĐ bị giảm dần khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh do sự hao mòn và giá trị hao mòn được chuyển dịch từng phần vào giá trị sản phẩm sản xuất ra. Bộ phận giá trị chuyển dịch này cấu thành một yếu tố chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được bồi đắp mỗi khi sản phẩm được tiêu thụ.

-

1.1.2.2 Tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ.

Theo thông tư 45/2013/TT-BTC về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”.

- Tiêu chuẩn và nhận biết tài sản cố định hữu hình:

Tư liệu lao động là những tài sản hữu hình có kết cấu độc lập, hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định mà nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào thì cả hệ thống không thể hoạt động được, nếu thoả mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây thì được coi là tài sản cố định:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó.
- Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên.
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) trở lên.

Trường hợp một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau, trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và nếu thiếu một bộ phận nào đó mà cả hệ thống vẫn thực hiện được chức năng hoạt động chính của nó nhưng do yêu cầu quản lý, sử dụng tài sản cố định đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản thì mỗi bộ phận tài sản đó nếu cùng thoả mãn đồng thời ba tiêu chuẩn của tài sản cố định được coi là một tài sản cố định hữu hình độc lập.

Đối với súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm, thì từng con súc vật thoả mãn đồng thời ba tiêu chuẩn của tài sản cố định được coi là một TSCĐ hữu hình.

Đối với vườn cây lâu năm thì từng mảnh vườn cây, hoặc cây thoả mãn đồng thời ba tiêu chuẩn của TSCĐ được coi là một TSCĐ hữu hình.

- Tiêu chuẩn và nhận biết tài sản cố định vô hình:

Mọi khoản chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thoả mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này, mà không hình thành TSCĐ hữu hình được coi là TSCĐ vô hình.

Những khoản chi phí không đồng thời thoả mãn cả ba tiêu chuẩn nêu tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này thì được hạch toán trực tiếp hoặc được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.

Riêng các chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai được ghi nhận là TSCĐ vô hình tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp nếu thỏa mãn đồng thời bảy điều kiện sau:

- Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản vô hình vào sử dụng theo dự tính hoặc để bán;

- Doanh nghiệp dự định hoàn thành tài sản vô hình để sử dụng hoặc để bán;

- Doanh nghiệp có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản vô hình đó;

- Tài sản vô hình đó phải tạo ra được lợi ích kinh tế trong tương lai;

- Có đầy đủ các nguồn lực về kỹ thuật, tài chính và các nguồn lực khác để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản vô hình đó;

- Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản vô hình đó;

- Ước tính có đủ tiêu chuẩn về thời gian sử dụng và giá trị theo quy định cho tài sản cố định vô hình.

- Chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo phát sinh trước khi thành lập doanh nghiệp, chi phí cho giai đoạn nghiên cứu, chi phí chuyển dịch địa điểm, chi phí mua để có và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế, giấy phép chuyển giao công nghệ, nhãn hiệu thương mại, lợi thế kinh doanh không phải là tài sản cố định vô hình mà được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian tối đa không quá 3 năm theo quy định của Luật thuế TNDN.

1.1.3 Phân loại và đánh giá TSCĐ.

1.1.3.1 Phân loại TSCĐ

- ***Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện.***

Theo cách phân loại này TSCĐ của doanh nghiệp bao gồm hai loại đó là:

- *TSCĐ có hình thái vật chất* (TSCĐ hữu hình) : Là những tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất thỏa mãn các tiêu chuẩn của TSCĐ hữu hình, tham gia nhiều vào chu kỳ kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu như nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải.....

- *TSCĐ không có hình thái vật chất* (TSCĐ vô hình): Là những tài sản không có hình thái vật chất, thể hiện một lượng giá trị đã được đầu tư, thỏa mãn các tiêu chuẩn của TSCĐ vô hình, tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh, như một số chi phí liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, chi phí về quyền phát hành, bằng phát minh, bằng sáng chế, bản quyền tác giả....

Với cách phân loại này giúp cho nhà quản lý có được cái nhìn tổng quát về cơ cấu đầu tư vào TSCĐ của doanh nghiệp. Đây là căn cứ quan trọng để xây dựng hoặc tự điều chỉnh phương hướng đầu tư cho phù hợp với thực tế. Đồng thời các nhà quản lý có thể căn cứ vào tiêu thức phân loại này để đưa ra biện pháp quản lý tài sản, quản lý vốn và tính khấu hao chính xác và hợp lý.

- ***Phân loại TSCĐ theo nguồn hình thành.***

Theo cách phân loại này TSCĐ được phân loại thành:

- TSCĐ được mua sắm do vốn nhà nước cấp.
- TSCĐ được mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn vay.
- TSCĐ được mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn tự bổ sung.
- TSCĐ nhận góp vốn, vốn liên doanh bằng hiện vật

Với cách phân loại này giúp cho người sử dụng phân biệt được quyền-nghĩa vụ của đơn vị trong quản lý TSCĐ, giúp doanh nghiệp ra quyết định sử dụng nguồn vốn khấu hao một cách hợp lý.

- ***Phân loại TSCĐ theo quyền sở hữu.***

Theo cách phân loại này TSCĐ được chia thành 2 loại đó là:

- *TSCĐ tự có*: là những TSCĐ được mua sắm và đầu tư bằng nguồn vốn tự có (Ngân sách cấp, do đi vay của ngân hàng hoặc trích quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp) để phục vụ cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- *TSCĐ thuê ngoài*: là những TSCĐ không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, những TSCĐ của doanh nghiệp được hình thành do việc doanh nghiệp đi thuê sử dụng trong một thời gian nhất định theo hợp đồng thuê TSCĐ. TSCĐ thuê ngoài có 2 loại:

- + *TSCĐ thuê tài chính*: là những TSCĐ mà doanh nghiệp thuê của Công ty thuê tài chính, theo đó bên cho thuê có quyền chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

- + *TSCĐ thuê hoạt động*: là những tài sản thuê không thỏa mãn các quy định về thuê tài chính đều được coi là TSCĐ thuê hoạt động. Doanh nghiệp đi thuê phải có trách nhiệm quản lý, sử dụng TSCĐ theo quy định trong hợp đồng thuê. Chi phí đi thuê được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Doanh nghiệp cho thuê với tư cách là chủ sở hữu phải theo dõi, quản lý tài sản cho thuê.

Với cách phân loại này giúp cho việc tổ chức và hạch toán TSCĐ được chặt chẽ ,chính xác và sử dụng TSCĐ có hiệu quả nhất.

- ***Phân loại TSCĐ theo công dụng.***

- ✓ *TSCĐ hữu hình*

Căn cứ vào công dụng kinh tế của TSCĐ ,toàn bộ TSCĐ của doanh nghiệp có thể được chia thành các loại như sau:

- *Nhà cửa ,vật kiến trúc*: là những TSCĐ của doanh nghiệp được hình thành sau quá trình thi công xây dựng như: Trụ sở làm việc, nhà kho,hàng rào ,tháp nước, sân bãi, các công trình trang trí cho nhà cửa, đường xá , cầu cống, đường sắt, đường băng sân bay,cầu tàu,cầu cảng,ụ, triền đê.

- *Máy móc,thiết bị*: là toàn bộ các loại máy móc ,thiết bị dùng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như: máy móc chuyên dùng ,thiết bị công tác,dàn khoan trong lĩnh vực dầu khí,cần cẩu,dây chuyền công nghệ,những máy móc đơn lẻ.

- *Phương tiện vận tải,chuyên dẫn* : là các loại phương tiện vận tải như phương tiện vận tải đường sắt,đường thủy,đường bộ,đường không,đường ống và các thiết bị chuyên dẫn như: hệ thống thông tin,hệ thống điện,đường ống nước,băng tải.

- *Thiết bị dụng cụ quản lý*:là những thiết bị ,dụng cụ dùng trong công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như:thiết bị điện tử,thiết bị,dụng cụ đo lường ,kiểm tra chất lượng,máy in,máy photocopy.....

- *Vườn cây lâu năm,súc vật làm việc hoặc cho nguyên liệu đầu vào*: là các loại vườn cây lâu năm như vườn cà phê,cao su,chè,cây ăn quả....Súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm như voi,bò sữa,trâu,bò.....

- *Các loại TSCĐ khác* :là toàn bộ các loại TSCĐ khác chưa liệt kê vào 5 loại trên như tranh ảnh,tác phẩm nghệ thuật ,.....

- ✓ *TSCĐ vô hình*:

- Quyền sử dụng đất .

- Quyền phát hành.

- Bản quyền,bằng sáng chế phát minh.

- Nhãn hiệu hàng hóa .

- Giấy phép và giấy chuyển nhượng TSCĐ vô hình khác.

Với cách phân loại này cho thấy công dụng cụ thể của từng loại TSCĐ trong doanh nghiệp tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý và trích khấu hao TSCĐ một cách chính xác.

• ***Phân loại TSCĐ theo tình hình sử dụng.***

Căn cứ vào tình hình sử dụng TSCĐ người ta chia TSCĐ trong doanh nghiệp ra làm 3 loại đó là:

- *TSCĐ đang được sử dụng*: là những TSCĐ của doanh nghiệp đang được sử dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc cá hoạt động phúc lợi, sự nghiệp an ninh quốc phòng của doanh nghiệp.

- *TSCĐ chưa cần dùng*: là những TSCĐ cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh hay các hoạt động khác của doanh nghiệp ,song hiện tại chưa cần dùng tới, đang được dự trữ cần sử dụng sau này.

- *TSCĐ không dùng nữa chờ thanh lý, nhượng bán*:

+ Là những TSCĐ không cần dùng tới

+ TSCĐ sử dụng không có hiệu quả cần bán đi để tái đầu tư.

+ TSCĐ bán có lãi nên doanh nghiệp bán đi để kiếm lời.

+ TSCĐ bị hư hỏng không thể sử dụng được.

+ TSCĐ sử dụng không hiệu quả do lạc hậu về kỹ thuật, không còn phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

+ TSCĐ không còn phù hợp với nhu cầu sản xuất của doanh nghiệp mà không thể nhượng bán thì doanh nghiệp tiến hành thanh lý.

Với cách phân loại này nhằm thấy được mức độ sử dụng hiệu quả các TSCĐ của doanh nghiệp, từ đó đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ của doanh nghiệp trong tương lai.

1.1.3.2 *Đánh giá TSCĐ.*

Việc đánh giá TSCĐ trong doanh nghiệp là vô cùng quan trọng vì nó là cơ sở để hạch toán TSCĐ, tính và phân bổ khấu hao một cách chính xác. TSCĐ trong doanh nghiệp được đánh giá theo các chỉ tiêu sau:

❖ **Nguyên giá.**

▪ *TSCĐ tăng do mua sắm.*

Nguyên giá TSCĐ mua sắm (kể cả với mua cũ và mua mới) gồm:

+ giá mua thực tế phải trả.

+ các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại)

+Các chi phí thực phát sinh liên quan trực tiếp đến TSCĐ đó tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: lãi tiền vay, chi phí vận chuyển bốc dỡ, chi phí lắp đặt chạy thử, phí, lệ phí.....(nếu có)

Trường hợp TSCĐ mua trả chậm, trả góp, nguyên giá TSCĐ gồm:

+ giá mua trả tiền ngay tại thời điểm .

+các khoản thuế(không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại)

+Các chi phí thực phát sinh liên quan trực tiếp đến TSCĐ đó tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: lãi tiền vay, chi phí vận chuyển bốc dỡ, chi phí lắp đặt chạy thử, phí, lệ phí.....(nếu có).

TSCĐ tăng do trao đổi.

Nguyên giá TSCĐ mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác gồm:

+ giá trị hợp lý của TSCĐ hữu hình nhận về hoặc giá trị hợp lý của TSCĐ đem trao đổi(sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản phải thu về) .

+Các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí thực phát sinh liên quan trực tiếp đến TSCĐ đó tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: lãi tiền vay, chi phí vận chuyển, bốc dỡ, chi phí lắp đặt chạy thử, chi phí thu mua, lệ phí trước bạ...(nếu có).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình tương tự hoặc đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự gồm:

+Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đem trao đổi.

▪ TSCĐ tăng do tự xây dựng hoặc tự sản xuất.

Nguyên giá TSCĐ tự xây dựng gồm:

+ Giá trị quyết toán công trình cho đến thời điểm đưa vào sử dụng.

Nguyên giá TSCĐ tự sản xuất gồm:

+ Toàn bộ các chi phí lắp đặt chạy thử, các chi phí khác thực phát sinh liên quan trực tiếp đến TSCĐ đó tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng (trừ các khoản lãi nội bộ , giá trị sản phẩm thu hồi được trong quá trình chạy thử, sản xuất thử, các chi phí không hợp lý như vật liệu lãng phí, lao động hoặc các khoản chi phí khác vượt quá mức quy định trong xây dựng hoặc sản xuất), đáp ứng được tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ.

▪ TSCĐ tăng do được tài trợ, biếu tặng, do được cấp hoặc điều chuyển:

Nguyên giá TSCĐ được tài trợ, được biếu tặng, do phát hiện thừa gồm:

+ giá trị đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận hoặc tổ chức định giá chuyên nghiệp.

+ các chi phí liên quan.

Trường hợp được điều chuyển đến thì nguyên giá TSCĐ được xác định là:

+ giá ghi trên sổ sách kế toán của đơn vị có tài sản điều chuyển.

▪ *TSCĐ nhận góp vốn, nhận lại góp vốn.*

Nguyên giá TSCĐ nhận góp vốn, nhận lại góp vốn là:

+ Giá trị do các thành viên, cổ đông sáng lập định giá nhất trí hoặc do doanh nghiệp và nhà góp vốn thỏa thuận, hoặc do tổ chức chuyên nghiệp định giá theo quy định của pháp luật và được các thành viên, cổ đông sáng lập chấp thuận.

❖ **Giá trị hao mòn.**

Khi đánh giá TSCĐ theo “giá trị hao mòn” cần xác định thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ hữu hình cần xem xét các yếu tố sau:

- Mức độ sử dụng hữu ích của doanh nghiệp đó.

- Mức độ hao mòn phụ thuộc vào các nhân tố liên quan trong quá trình sử dụng như: môi trường sử dụng, cường độ hoạt động,....

- Hao mòn vô hình diễn ra do việc cải tiến máy móc hay thay đổi công nghệ để đáp ứng được yêu cầu thị trường đang thay đổi theo sự phát triển của khoa học kỹ thuật.

- Giới hạn có tính hợp lý trong việc sử dụng TSCĐ như :ngày hết hạn hợp đồng của TSCĐ thuê tài chính.

Thời gian sử dụng phải được xem xét lại theo định kì, thường là cuối năm tài chính. Nếu có sự thay đổi đáng kể trong việc đánh giá thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ thì phải điều chỉnh mức khấu hao.

Mức khấu hao = Nguyên giá x Tỷ lệ khấu hao.

❖ **Giá trị còn lại.**

Bên cạnh việc đánh giá TSCĐ theo nguyên giá, người ta còn đánh giá theo giá trị còn lại của TSCĐ với công thức như sau:

$$\begin{array}{lcl} \text{Giá trị còn lại} & & \text{Nguyên giá} \\ \text{của TSCĐ} & = & \text{TSCĐ} \end{array} \quad - \quad \begin{array}{l} \text{Số hao mòn lũy} \\ \text{kế TSCĐ} \end{array}$$

Trường hợp TSCĐ được đánh giá lại theo quy định của Nhà nước thì nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại phải được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại. Chênh lệch do đánh giá lại TSCĐ hữu hình được xử lý và ghi nhận trong sổ sách kế toán theo quy định của nhà nước,

1.1.4 Nguyên tắc quản lý và nhiệm vụ của kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp.

1.1.4.1 Nguyên tắc quản lý.

Mọi TSCĐ trong doanh nghiệp phải có bộ hồ sơ riêng (gồm biên bản giao nhận TSCĐ, hợp đồng, hoá đơn mua TSCĐ và các chứng từ, giấy tờ khác có liên quan). Mỗi TSCĐ phải được phân loại, đánh số và có thẻ riêng, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng ghi TSCĐ và được phản ánh trong sổ theo dõi TSCĐ.

Mỗi TSCĐ phải được quản lý theo nguyên giá, số hao mòn lũy kế và giá trị còn lại trên sổ sách kế toán:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá trị còn lại trên sổ} & & \text{Nguyên giá của} & & \text{Số hao mòn lũy kế} \\ \text{kế toán của TSCĐ} & = & \text{tài sản cố định} & - & \text{của TSCĐ} \end{array}$$

Đối với những TSCĐ không cần dùng, chờ thanh lý nhưng chưa hết khấu hao, doanh nghiệp phải thực hiện quản lý, theo dõi, bảo quản theo quy định hiện hành và trích khấu hao theo quy định tại Thông tư này.

Doanh nghiệp phải thực hiện việc quản lý đối với những tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn tham gia vào hoạt động kinh doanh như những TSCĐ thông thường.

1.1.4.2 Nhiệm vụ kế toán TSCĐ.

Đóng vai trò là người cung cấp thông tin giúp nhà quản lý đưa ra các quyết định quan trọng thì tổ chức hạch toán của kế toán TSCĐ cần đảm bảo thực hiện được các nội dung sau:

- Tổ chức ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời về số lượng, hiện trạng và giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng giảm và di chuyển TSCĐ trong nội bộ doanh nghiệp, việc bảo quản và sử dụng TSCĐ ở doanh nghiệp.
- Phản ánh kịp thời giá trị hao mòn TSCĐ trong quá trình sử dụng, tính toán, phân bổ, hoặc kết chuyển chính xác số khấu hao và chi phí sản xuất kinh doanh.
- Tham gia lập kế hoạch sửa chữa và dự toán chi phí sửa chữa TSCĐ, phản ánh chính xác chi phí thực tế và sửa chữa TSCĐ, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch và chi phí sửa chữa TSCĐ.

- Tham gia kiểm kê, kiểm tra định kỳ hay bất thường TSCĐ tham gia đánh giá lại TSCĐ khi cần thiết, tổ chức phân tích tình hình bảo quản và sử dụng TSCĐ ở doanh nghiệp.

1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp.

1.2.1 Kế toán chi tiết TSCĐ trong doanh nghiệp.

1.2.1.1 Tổ chức chứng từ kế toán.

Trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, TSCĐ luôn giữ vai trò hết sức quan trọng, không chỉ có vậy mà TSCĐ còn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số vốn cố định với giá trị lớn. Do đó việc quản lý và theo dõi TSCĐ phải được thực hiện một cách khoa học và chặt chẽ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng và tránh những tổn thất không đáng có.

☞ Biên bản giao nhận TSCĐ: (Mẫu số 02-TSCĐ)

- Biên bản này được lập riêng cho từng đối tượng TSCĐ. Nó là bằng chứng xác nhận TSCĐ đã được chuyển giao quyền quản lý cho đơn vị, bộ phận nào, thể hiện quyền và nghĩa vụ của đôi bên sau khi chuyển giao.

- Biên bản giao nhận TSCĐ được lập thành 2 bản, mỗi bên giao và bên nhận giữ một bản có giá trị pháp lý như nhau.

☞ Biên bản thanh lý TSCĐ (Mẫu số 03-TSCĐ)

- Biên bản thanh lý TSCĐ là chứng từ xác nhận việc thanh lý TSCĐ, làm căn cứ để kế toán ghi giảm TSCĐ và các nghiệp vụ có liên quan đến hoạt động thanh lý như: chi phí thanh lý, giá trị thu hồi từ việc thanh lý TSCĐ.

- Biên bản thanh lý do ban thanh lý TSCĐ lập thành 2 bản; 01 bản chuyển cho kế toán, 01 bản chuyển cho bộ phận quản lý, sử dụng TSCĐ.

☞ Biên bản đánh giá lại TSCĐ: (Mẫu số 04-TSCĐ)

- Là chứng từ kế toán, nhằm xác nhận các chỉ tiêu giá trị của TSCĐ theo quy định của nhà nước.

- Là chứng từ ghi sổ kế toán khoản chênh lệch do đánh giá lại TSCĐ.

☞ Các chứng từ khác liên quan.

- Biên bản kiểm kê TSCĐ: (Mẫu số 05-TSCĐ)

- Biên bản bàn giao TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành (Mẫu số 03-TSCĐ)

- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ: (Mẫu số 06-TSCĐ).

1.2.1.2 Sổ sách kế toán chi tiết TSCĐ.

- **Thẻ TSCĐ:** Thẻ TSCĐ do phòng kế toán lập khi TSCĐ bắt đầu xuất hiện tại doanh nghiệp. Thẻ được lập cho từng loại tài sản và được lưu ở phòng kế toán

Căn cứ lập thẻ TSCĐ gồm: Bộ hồ sơ TSCĐ, biên bản giao nhận TSCĐ, biên bản thanh lý TSCĐ, biên bản đánh giá lại TSCĐ,....

- **Sổ TSCĐ:** sổ được mở để theo dõi tình hình tăng, giảm, hao mòn theo từng loại tài sản doanh nghiệp, mỗi tài sản được ghi riêng một sổ hoặc một sổ trang của sổ. Căn cứ để ghi sổ là các chứng từ tăng, giảm và khấu hao TSCĐ.

- **Sổ chi tiết TSCĐ (theo đơn vị sử dụng):** mỗi một đơn vị hoặc một bộ phận sử dụng phải mở một sổ để theo dõi TSCĐ. Căn cứ để ghi sổ là các chứng từ tăng, giảm TSCĐ.

1.2.1.3 Nội dung công tác kế toán chi tiết TSCĐ.

Kế toán chi tiết TSCĐ có nhiệm vụ :

+ Lập thẻ, các biên bản có giá trị pháp lý liên quan đến việc tăng, giảm TSCĐ trong doanh nghiệp.

+ Theo dõi và quản lý TSCĐ trên sổ sách kế toán bao gồm các chỉ tiêu: nguyên giá, số khấu hao, hao mòn lũy kế của tất cả TSCĐ hiện có trong doanh nghiệp.

1.2.2 Kế toán tổng hợp tăng, giảm TSCĐ trong doanh nghiệp.

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng.

- Hoá đơn GTGT, Biên bản giao nhận TSCĐ, Biên bản thanh lý TSCĐ
- Biên bản đánh giá lại, biên bản kiểm kê.....

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng.

- TK 2111-TSCĐ hữu hình :

Tài khoản này dùng để phản ánh nguyên giá TSCĐ hữu hình thuộc quyền sở hữu, hiện có ở doanh nghiệp.

**Kết cấu tài khoản:*

Bên nợ :Phản ánh nghiệp vụ làm tăng TSCĐ hữu hình theo nguyên giá.

Bên có: Phản ánh nghiệp vụ làm giảm TSCĐ hữu hình theo nguyên giá.

Dư nợ: Phản ánh nguyên giá TSCĐ hữu hình hiện có tại doanh nghiệp.

- TK2113-TSCĐ vô hình:

Tài khoản này dùng để phản ánh nguyên giá TSCĐ vô hình thuộc quyền sở hữu, hiện có ở doanh nghiệp.

**Kết cấu tài khoản:*

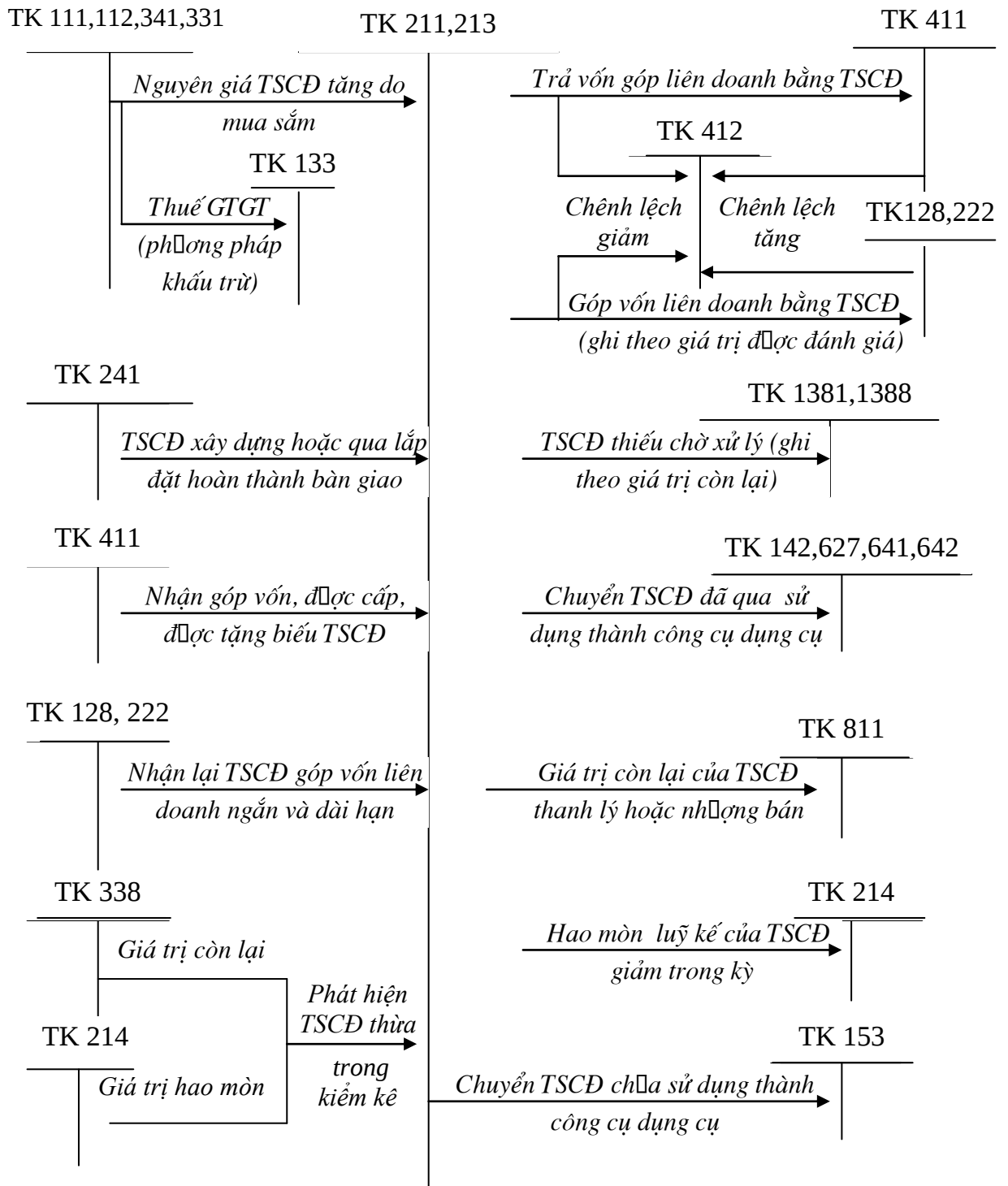
Bên nợ :Phản ánh nghiệp vụ làm tăng TSCĐ vô hình theo nguyên giá.

Bên có: Phản ánh nghiệp vụ làm giảm TSCĐ vô hình theo nguyên giá.

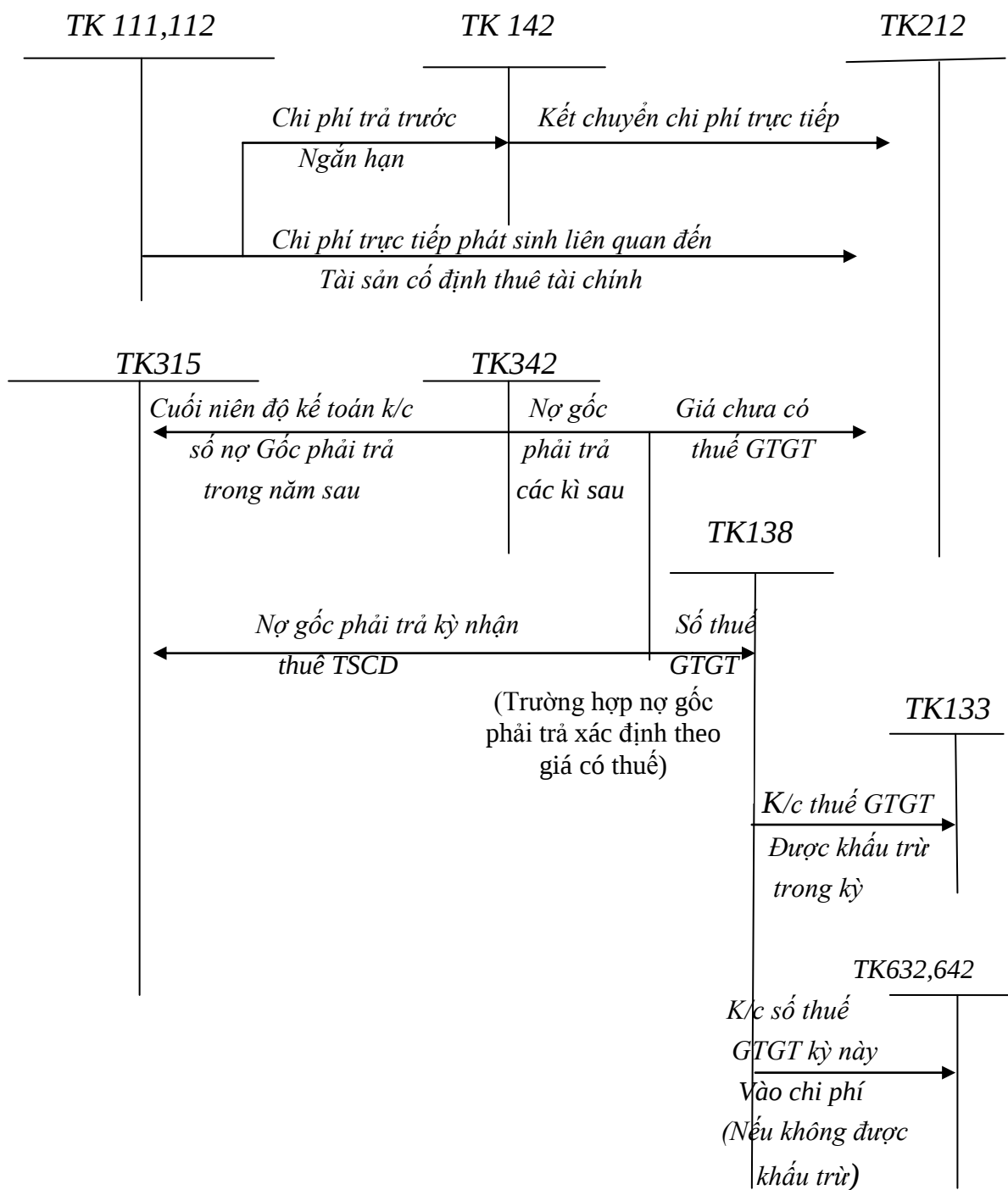
Dư nợ: Phản ánh nguyên giá TSCĐ vô hình hiện có tại doanh nghiệp.

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán TSCĐ .

Phương pháp hạch toán tăng ,giảm TSCĐ hữu hình ,vô hình và TSCĐ thuê tài chính được khái quát qua 2 sơ đồ 1.1 và 1.2 như sau:



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Sơ đồ 1.2: Kế toán TSCĐ thuê tài chính.

1.2.3 Kế toán khấu hao TSCĐ.

1.2.3.1 Xác định thời gian trích khấu hao của TSCĐ

❖ Đối với TSCĐ hữu hình

- Đối với TSCĐHH còn mới (chưa qua sử dụng), doanh nghiệp phải căn cứ vào khung thời gian trích khấu hao TSCĐ quy định tại *Phụ lục 1 Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013* để xác định thời gian trích khấu hao của TSCĐ.

- Đối với tài sản cố định hữu hình đã qua sử dụng, thời gian trích khấu hao của tài sản cố định được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccc} \text{Thời gian} & & \text{Thời gian trích} \\ \text{trích} & & \text{khấu hao của TSCĐ} \\ \text{khấu hao} & = & \text{mới cùng loại xác} \\ \text{của} & & \text{định theo Phụ lục 1} \\ \text{TSCĐ} & & \text{(ban hành kèm theo} \\ & & \text{Thông tư} \\ & & \text{45/2013/TT-BTC)} \end{array} \times \frac{\text{Giá trị hợp lý của TSCĐ}}{\text{Giá bán của TSCĐ cùng loại mới 100\% (hoặc của TSCĐ tương đương trên thị trường)}}$$

Trong đó:

Giá trị hợp lý của TSCĐ là giá mua hoặc trao đổi thực tế (trong trường hợp mua bán, trao đổi), giá trị còn lại của TSCĐ hoặc giá trị theo đánh giá của tổ chức có chức năng thẩm định giá (trong trường hợp được cho, được biếu, được tặng, được cấp, được điều chuyển đến) và các trường hợp khác.

❖ **Đối với TSCĐ vô hình**

- Doanh nghiệp tự xác định thời gian trích khấu hao của tài sản cố định vô hình nhưng tối đa không quá 20 năm.

- Đối với TSCĐ vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất thuê, thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất đó.

- Đối với TSCĐ vô hình là quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ, quyền đối với giống cây trồng, thì thời gian trích khấu hao là thời hạn bảo hộ được ghi trên văn bằng bảo hộ theo quy định (không được tính thời hạn bảo hộ được gia hạn thêm).

1.2.3.2 Các phương pháp trích khấu hao TSCĐ.

❖ Phương pháp khấu hao đường thẳng.

• **Đặc điểm** :Phương pháp khấu hao đường thẳng là phương pháp trích khấu hao theo mức tính ổn định từng năm vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp của tài sản cố định tham gia vào hoạt động kinh doanh

• **Cách xác định số khấu hao**:

- Xác định mức trích khấu hao trung bình hàng năm cho tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng năm của tài sản cố định} = \frac{\text{Nguyên giá của tài sản cố định}}{\text{Thời gian trích khấu hao}}$$

- Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

Trường hợp thời gian trích khấu hao hay nguyên giá của tài sản cố định thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao trung bình của tài sản cố định bằng cách lấy giá trị còn lại trên sổ kế toán chia (:) cho thời gian trích khấu hao xác định lại hoặc thời gian trích khấu hao còn lại (được xác định là chênh lệch giữa thời gian trích khấu hao đã đăng ký trừ thời gian đã trích khấu hao) của tài sản cố định.

- Căn cứ các số liệu trên sổ kế toán, hồ sơ của tài sản cố định để xác định giá trị còn lại trên sổ kế toán của tài sản cố định.

- Xác định thời gian trích khấu hao còn lại của tài sản cố định theo công thức sau:

$$T = T_2 \left(1 - \frac{t_1}{T_1} \right)$$

Trong đó:

T : Thời gian trích khấu hao còn lại của tài sản cố định

T_1 : Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định xác định theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC.

T_2 : Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định xác định theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

t_1 : Thời gian thực tế đã trích khấu hao của tài sản cố định

- Xác định mức trích khấu hao hàng năm (cho những năm còn lại của tài sản cố định) như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao trung} \\ \text{bình hàng năm của TSCĐ} \end{array} = \frac{\text{Giá trị còn lại của tài sản cố định}}{\text{Thời gian trích khấu hao còn lại của TSCĐ}}$$

- Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

❖ Phương pháp khấu hao số dư giảm dần có điều chỉnh.

• *Đặc điểm:* Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh được áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực có công nghệ đòi hỏi phải thay đổi, phát triển nhanh.

TSCĐ tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh phải thoả mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Là tài sản cố định đầu tư mới (chưa qua sử dụng);
- Là các loại máy móc, thiết bị; dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm.

• *Cách xác định số khấu hao:*

- Xác định thời gian khấu hao của tài sản cố định: Doanh nghiệp xác định thời gian khấu hao của tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Xác định mức trích khấu hao năm của tài sản cố định trong các năm đầu theo công thức dưới đây:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Mức trích khấu hao} & & & & \\ \text{hàng năm của tài sản cố} & & \text{Giá trị còn lại} & & \text{Tỷ lệ khấu} \\ \text{định} & = & \text{của tài sản cố định} & \times & \text{hao nhanh} \end{array}$$

Trong đó:

Tỷ lệ khấu hao nhanh xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Tỷ lệ khấu} & & \text{Tỷ lệ khấu hao tài sản cố} & & \\ \text{hao nhanh} & = & \text{định theo phương pháp} & \times & \text{Hệ số điều} \\ \text{(\%)} & & \text{đường thẳng} & & \text{chỉnh} \end{array}$$

Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Tỷ lệ khấu hao} & & 1 & & \\ \text{TSCĐ theo phương} & = & \frac{\text{Thời gian trích}}{\text{khấu hao của tài}} & \times 100 \\ \text{pháp đường thẳng} & & \text{sản cố định} & & \\ \text{(\%)} & & & & \end{array}$$

- Mức trích khấu hao hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

 Phương pháp khấu hao theo số lượng sản phẩm.

❖ *Đặc điểm:* Tài sản cố định tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp này là các loại máy móc, thiết bị thoả mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Trực tiếp liên quan đến việc sản xuất sản phẩm;
- Xác định được tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của tài sản cố định;
 - Công suất sử dụng thực tế bình quân tháng trong năm tài chính không thấp hơn 100% công suất thiết kế.

❖ *Cách xác định số khấu hao:*

Tài sản cố định trong doanh nghiệp được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm như sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Mức trích khấu hao} & & \text{Số lượng sản} & & \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{trong tháng của tài} & & \text{phẩm sản xuất} & \times & \text{bình quân tính cho} \\ \text{sản cố định} & = & \text{trong tháng} & & \text{một đơn vị sản} \\ & & & & \text{phẩm} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{ccc} \text{Mức trích khấu hao bình quân tính} & & \text{Nguyên giá của tài sản cố định} \\ \text{cho một đơn vị sản phẩm} & = & \frac{\text{Sản lượng theo công suất thiết}}{\text{kế}} \end{array}$$

- Mức trích khấu hao năm của tài sản cố định bằng tổng mức trích khấu hao của 12 tháng trong năm, hoặc tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Mức trích khấu} & & \text{Số lượng sản} & & \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{hao năm của TSCĐ} & = & \text{phẩm sản xuất} & \times & \text{bình quân tính cho} \\ & & \text{trong năm} & & \text{một đơn vị SP} \end{array}$$

1.2.3.3 Chứng từ và tài khoản sử dụng.

- *Chứng từ sử dụng:*
 - Bảng tính và phân bổ khấu hao.
- *Tài khoản sử dụng.*
 - TK214: “Hao mòn tài sản cố định”

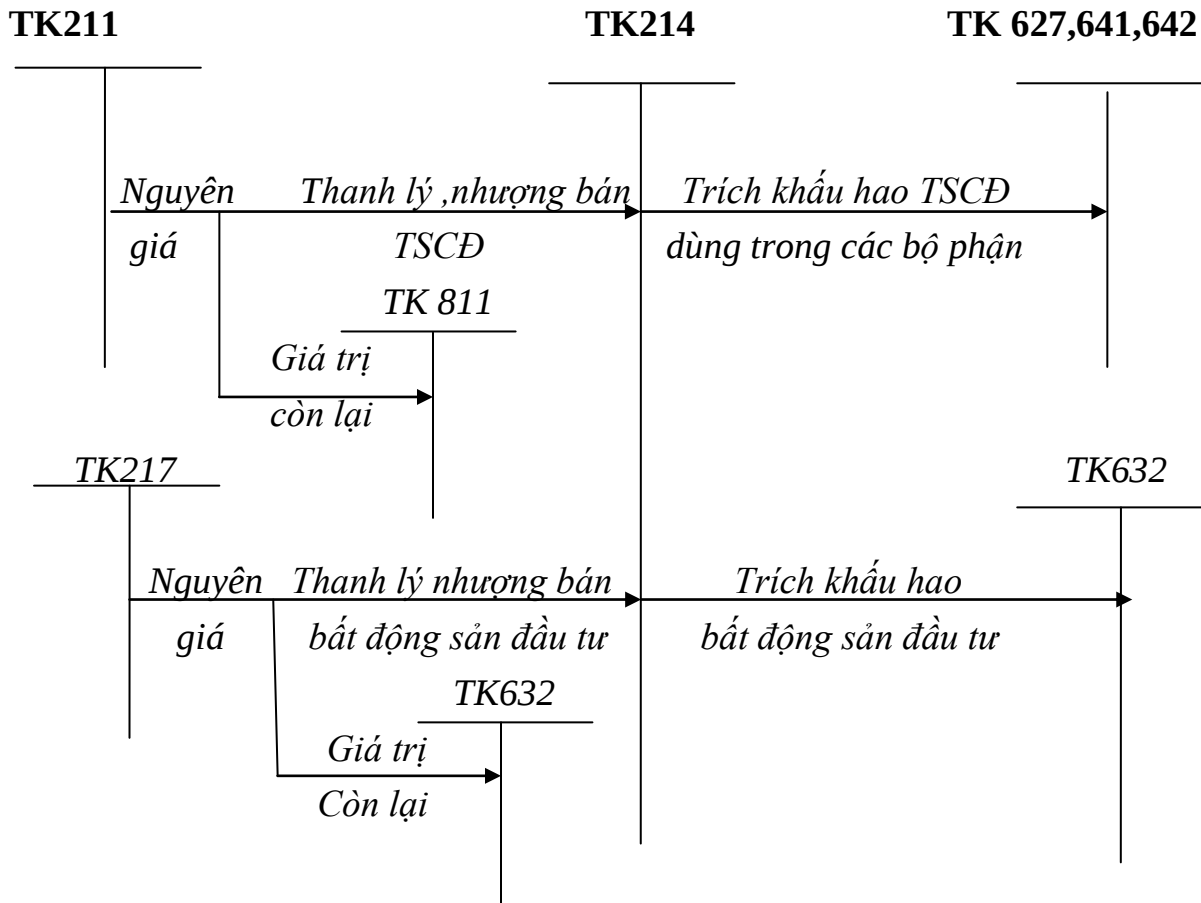
Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình tăng, giảm giá trị hao mòn và giá trị hao mòn lũy kế của các loại TSCĐ, BĐS đầu tư trong quá trình sử dụng.

Kết cấu tài khoản 214:

- + **Bên Nợ:** Giá trị hao mòn TSCĐ, BĐS đầu tư giảm do TSCĐ, BĐS đầu tư thanh lý, nhượng bán, điều động cho các đơn vị khác...
- + **Bên Có:** Giá trị hao mòn TSCĐ, BĐS đầu tư tăng do trích khấu hao TSCĐ.
- + **Dư Có:** Giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ, BĐS đầu tư hiện có trong DN.

1.2.3.4 Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán khấu hao TSCĐ được thể hiện qua sơ đồ 1.3 như sau:



Sơ đồ 1.3: Kế toán khấu hao TSCĐ

1.2.4 Kế toán sửa chữa TSCĐ.

1.2.4.1 Phân loại sửa chữa TSCĐ.

➤ Sửa chữa nhỏ TSCĐ:

- Sửa chữa nhỏ TSCĐ là sửa chữa mang tính duy tu, bảo dưỡng thường xuyên TSCĐ.

- Khối lượng công việc không nhiều, vì vậy chi phí sửa chữa phát sinh được tính thẳng vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. (Nếu sửa chữa cho TSCĐ phục vụ cho hoạt động phúc lợi thì hạch toán thẳng vào TK431)

➤ Sửa chữa lớn TSCĐ:

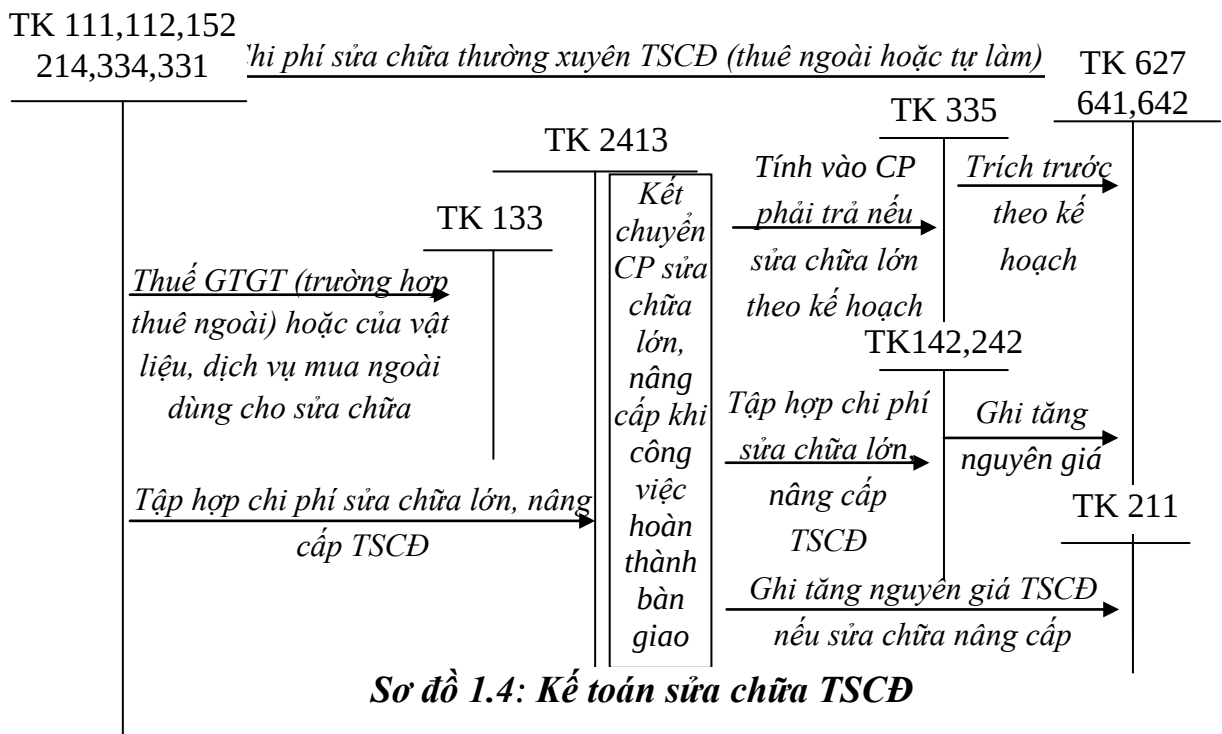
- Là việc cải tạo, thay thế các bộ phận trong TSCĐ, công việc có thể do doanh nghiệp tự thực hiện hoặc đi thuê ngoài, thời gian sửa chữa kéo dài và TSCĐ phải ngưng hoạt động, chi phí phát sinh thường lớn nên không thể tính hết vào chi phí của đối tượng sử dụng mà phải phân bổ hợp lý vào chi phí sản xuất kinh doanh.

1.2.4.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng.

- Chứng từ sử dụng.
 - Hóa đơn GTGT sửa chữa, hợp đồng kinh tế.
 - Bảng dự toán chi phí sửa chữa.
- Tài khoản sử dụng:
 - TK241: Xây dựng cơ bản dở dang.
 - TK142: Chi phí trả trước ngắn hạn
 - TK242: Chi phí trả trước dài hạn.

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán.

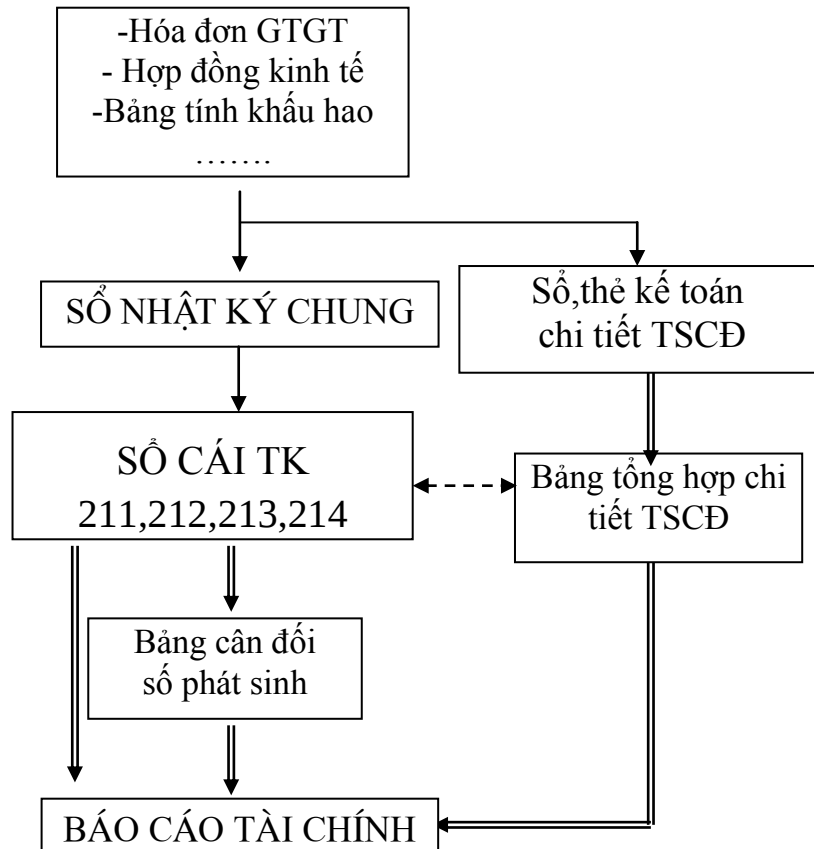
Phương pháp hạch toán sửa chữa TSCĐ được thể hiện qua sơ đồ 1.4 như sau:



1.3 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp.

1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung.

Sơ đồ hạch toán



2 Trình tự ghi sổ.

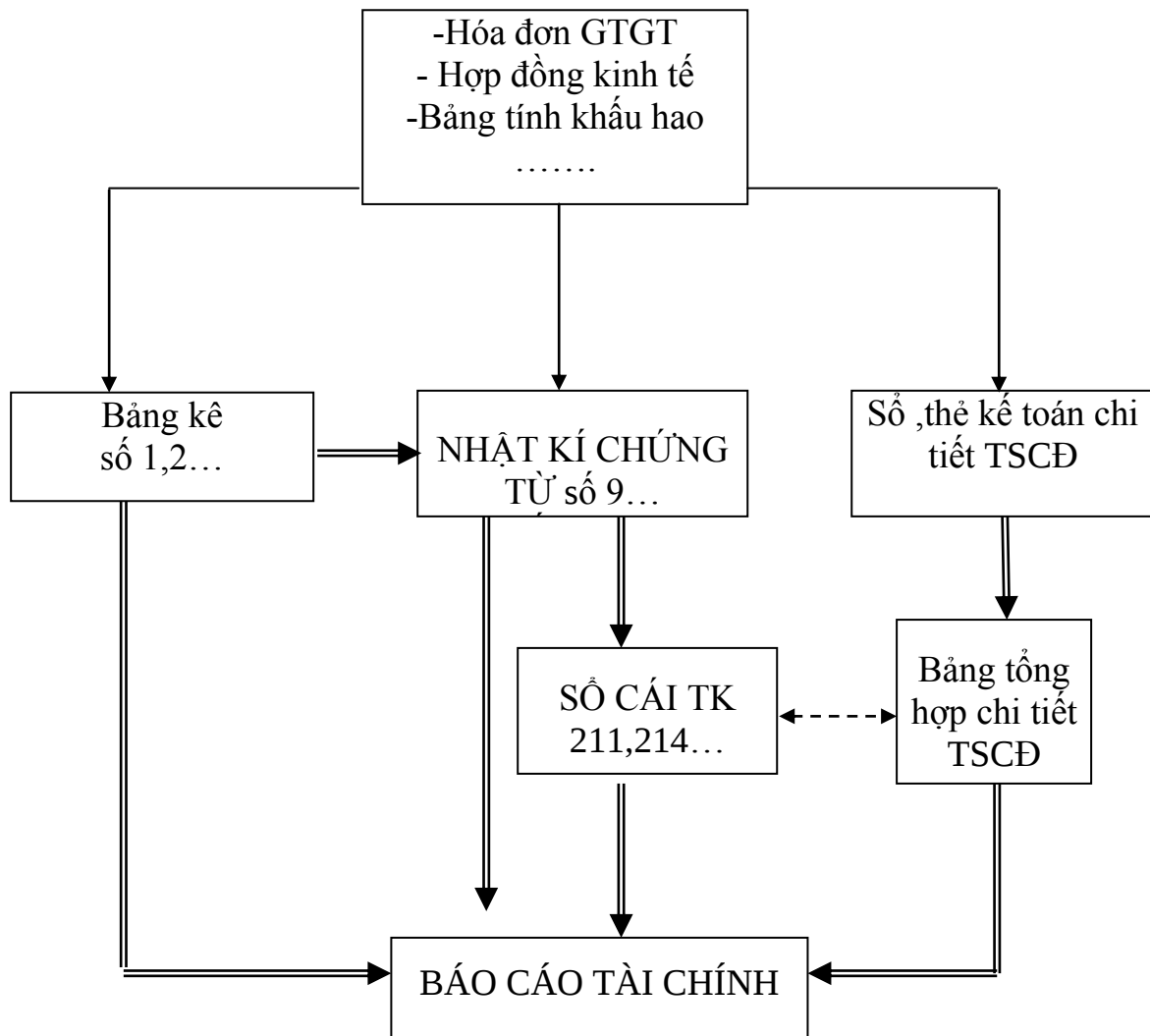
1) Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ thẻ chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh trên được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng, quý, năm, cộng các số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ Cái và bảng Tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ thẻ chi tiết) được dùng để lập các Báo Cáo tài chính.

1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

Sơ đồ hạch toán.



Trình tự ghi sổ.

1). Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan. Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký - Chứng từ có liên quan. Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

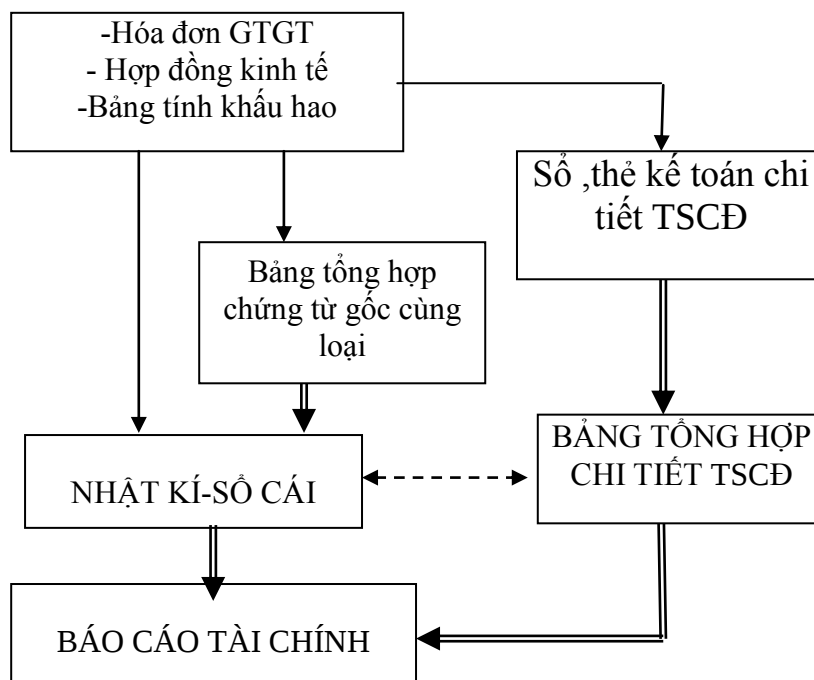
(2). Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết,

bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái. Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ Cái.

Số liệu ở Sổ Cái, một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

1.3.3 Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái.

Sơ đồ hạch toán.



Trình tự ghi sổ.

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký - Sổ Cái, được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến

hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái.

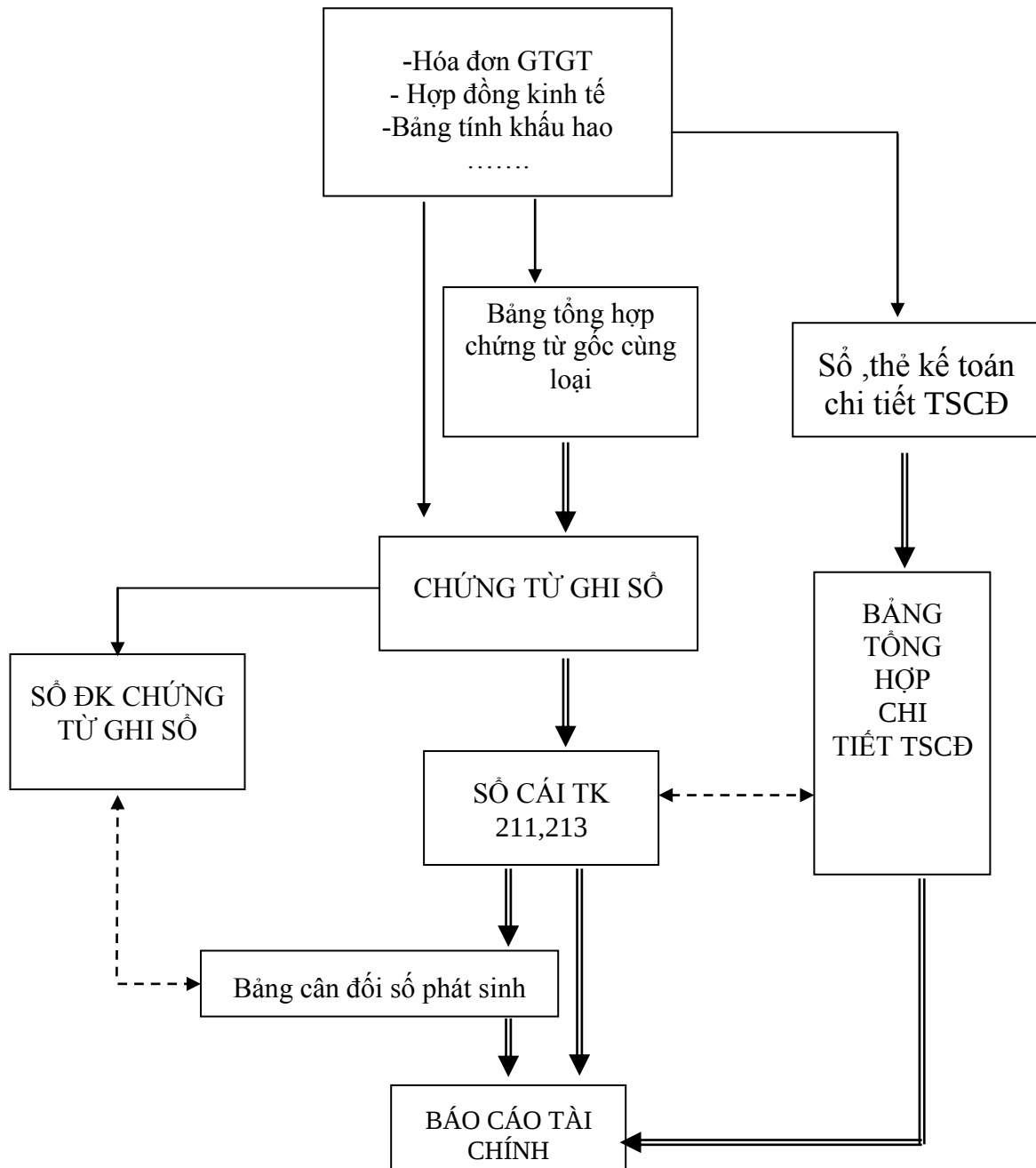
(3) Kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký - Sổ Cái .

(4) Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khóa sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khóa sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký - Sổ Cái.

Số liệu trên Nhật ký - Sổ Cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

1.3.4 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

Sơ đồ hạch toán.



.Trình tự ghi sổ.

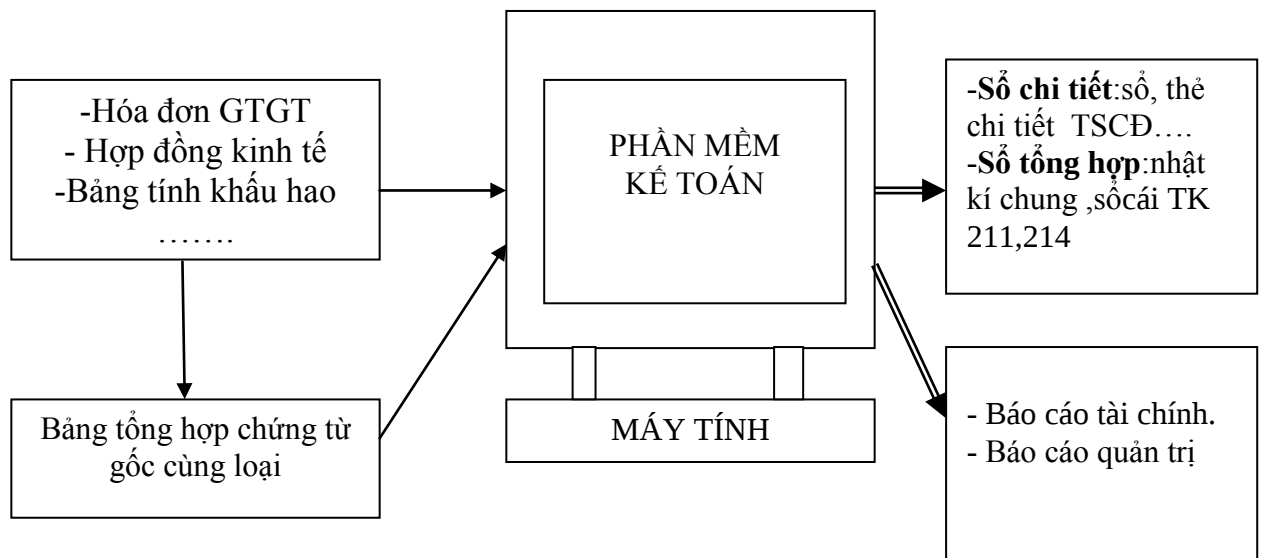
(1)- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2)- Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

(3)- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính..

1.3.5 Hình thức Kế toán máy.

Sơ đồ hạch toán.



Trình tự ghi sổ.

1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG II

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI
TRƯỜNG THÀNH**

2.1 Khái quát chung về Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành.

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành.

- Tên công ty: Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành.
- Thành lập : ngày 06 tháng 08 năm 2004.
- Trụ sở chính: Khu Đô thị mới- Thị trấn Minh Tân-Huyện Kinh Môn-Tỉnh Hải Dương.
- Tên giao dịch nước ngoài: TRUONGTHANH TRANSPORT &TRADING CO.,LTD.
- Số điện thoại: 03203.821283 Fax:
- Email: truongthanh.gd@gmail.com

Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành thành lập đến nay đã tròn 10 năm. Trải qua bao khó khăn ,thử thách với vai trò là người đi tiên phong trong khu vực kinh doanh các ngành nghề đã được đăng kí ,cụ thể là:

- Bán buôn vật liệu,thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.-ngành chính
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa;vận tải hành khách bằng ô tô;bốc xúc đất đá,san lấp mặt bằng công trình;xây dựng công trình dân dụng,công nghiệp,giao thông ,thủy lợi;mua bán phụ gia phục vụ sản xuất kinh doanh,clinke,thạch cao,quặng xỉ;mua bán và chế biến than;đại lý bán lẻ xăng dầu;kinh doanh dịch vụ khách sạn ,ăn uống.

Đến nay ,Công ty đã đạt được nhiều thành tích to lớn cả về phát triển quy mô sản xuất kinh doanh và đảm bảo đời sống anh em công nhân.Điều đó được thể hiện rõ trong các chỉ tiêu tài chính,kinh tế của đơn vị trong các báo cáo tài chính qua các năm.

Diễn hình là giai đoạn 2011-2013 sau khi cuộc khủng hoảng kinh tế xảy ra và để lại hậu quả nặng nề:

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: 1.000.000.000Đ

STT	Năm	2011	2012	2013	Kế hoạch 2014
	Chỉ tiêu				
1	Doanh thu BH, DV	793.576,632	854.762,070	1.129.797,729	1.302.481,341
2	Chi phí SX,KD	793.262,357	854.436,413	1.129.313,488	1.301.882,682
4	Lợi nhuận	314,275	325,657	484,241	598,659
5	Các khoản nộp NSNN	78,568	81,414	121,060	149,664

Có thể nói sự tăng trưởng trong các chỉ tiêu về tài chính của doanh nghiệp không tạo ra bước đột phá cụ thể là:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng trung bình: 118,39% năm nay so với năm trước.
- Lợi nhuận tăng trung bình: 126.21% năm nay so với năm trước.
- Thu nhập tăng trung bình: 106.27% năm nay so với năm trước.

Nhưng mức tăng trưởng đều qua số liệu của các năm đã cho ta thấy tính chất ổn định ,đáng tin cậy vào khả năng tài chính vững vàng cũng như sự sáng suốt trong chính sách sản xuất,kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chức năng

Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành đến nay đã tròn mười năm,với đặc thù sản xuất kinh doanh của hai ngành thương mại và vận tải,chức năng chủ yếu của đơn vị là:

- Đơn vị trung gian cung cấp vật liệu xây dựng,hàng hóa ...theo đơn đặt hàng của đơn vị đặt mua.
- Đơn vị vận tải hàng hóa bằng đường bộ,đường thủy (có thể kiêm cả dịch vụ bốc xếp,vận chuyển hàng hóa theo yêu cầu).

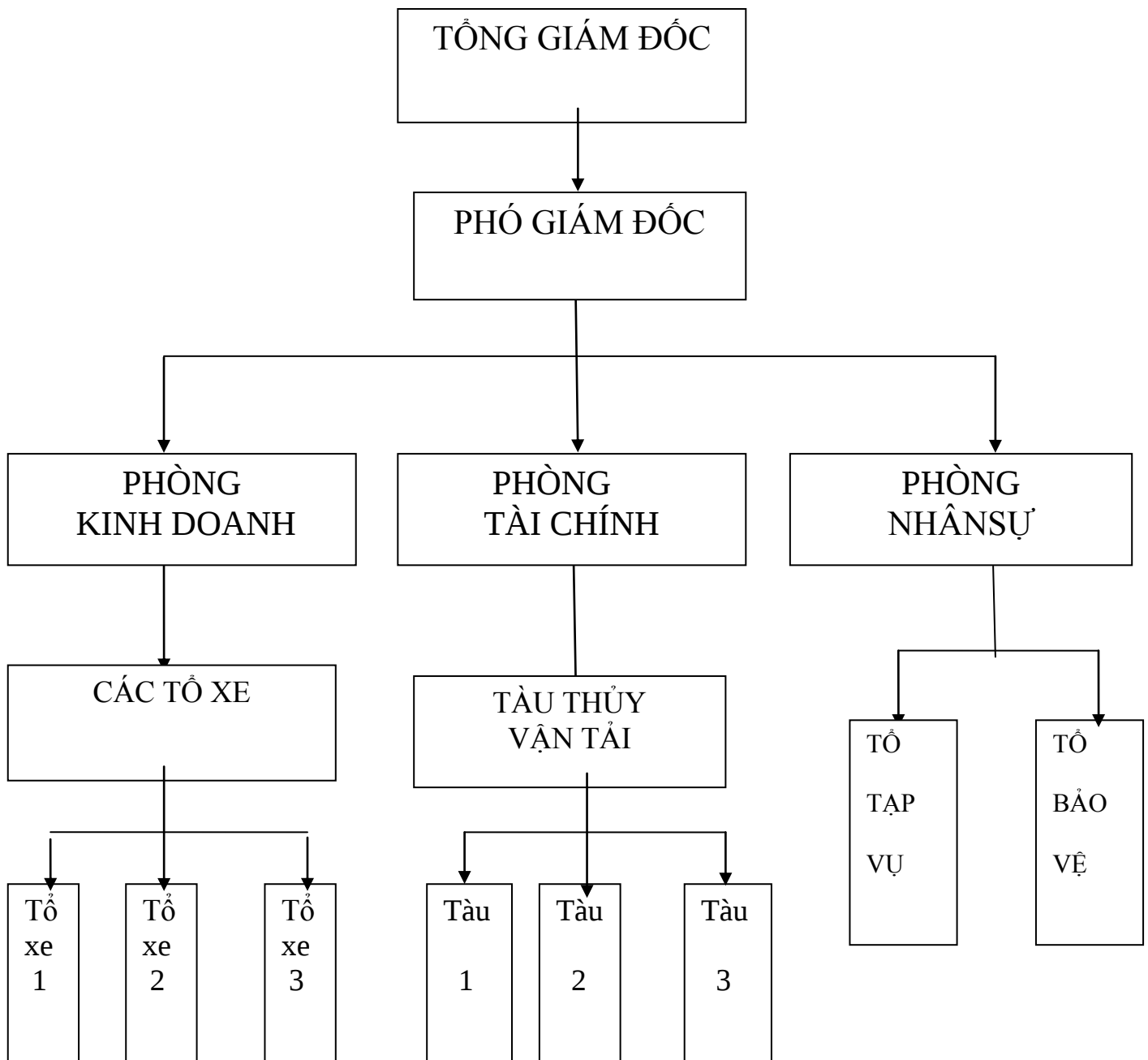
- Lĩnh vực hoạt động.

- Bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.-ngành chính
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa vận tải hành khách bằng ô tô,bốc xúc đất đá san lấp mặt bằng công trình,xây dựng công trình

dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; mua bán phụ gia phục vụ sản xuất kinh doanh, clinker, thạch cao, quặng xỉ; mua bán và chế biến than; đại lý xăng dầu bán lẻ.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức quản lý tại Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ



Công ty TNHH TM và VT Trường Thành gồm 2 bộ phận lao động:

• **Bộ phận lao động trực tiếp:**

- Là những người trực tiếp tạo ra doanh thu cho doanh nghiệp và chiếm số lượng đáng kể trong cơ cấu người lao động bao gồm:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

	Tổ lái xe 01	Tổ lái xe 02	Tổ lái xe 03	Tàu 01	Tàu 02	Tàu 03	Tạp vụ, Bảo vệ
Số lượng LĐ	09	09	09	12	12	12	5

- *Tổ lái xe bao gồm:* 01 tổ trưởng và 08 nhân viên lái xe, chuyên vận tải hàng hóa theo hóa đơn bằng đường bộ.

- *Tàu thuyền bao gồm:* 01 thuyền trưởng, 02 thuyền phó và 09 thủy thủ có nhiệm vụ vận tải hàng hóa bằng đường sông.

• **Bộ phận lao động gián tiếp:**

Cũng theo mô hình tổ chức của hầu hết các doanh nghiệp khác, Bộ phận quản lý-Bộ phận lao động gián tiếp được chia thành:

+ *Ban Giám Đốc:*

**Giám đốc:* là người có quyền cao nhất điều hành, là người đại diện pháp nhân của công ty, chịu trách nhiệm về mọi mặt trước công ty và các cơ quan pháp luật. Tổ chức điều hành, quản lý mọi mặt hoạt động của công ty và có trách nhiệm quản lý trực tiếp các phó tổng giám đốc

**Phó giám đốc:* có nhiệm vụ thay mặt tổng giám đốc khi tổng giám đốc đi vắng hoặc được tổng giám đốc ủy quyền để giải quyết và điều hành công tác nội chính, có trách nhiệm thường xuyên bàn bạc với tổng giám đốc về công tác tổ chức, tài chính, sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện cho tổng giám đốc nắm bắt và điều chỉnh kế hoạch. Triển khai các công việc đã thống nhất xuống các bộ phận thuộc khối mình phụ trách .

+ *Phòng tài chính-kế toán(6 người):* Quản lý công ty trong lĩnh vực tài chính, kế toán nhằm phục vụ và đánh giá đúng, trung thực nhất năng lực về tài chính của công ty, nhằm đánh giá, tham mưu trong vấn đề quản lý, kinh doanh cho Ban giám đốc .

+ *Phòng kinh doanh(17 người):* Khai thác khách hàng, tìm việc và kí kết hợp đồng kinh tế, phụ trách việc hoàn thiện các thủ tục thanh toán công nợ, cũng như các tài liệu công nợ, nghiệm thu phương án kinh doanh, bàn giao tài liệu...đồng thời phối hợp với phòng kế toán để xác định chính xác số công nợ của khách hàng, có kế hoạch thu nợ và khai thác khách hàng.

+ *Phòng Hành chính-Nhân sự(5 người):* Quản lý công ty trong lĩnh vực hành chính, nhân sự nhằm đáp ứng kịp thời và đúng nhất cho hoạt động của công

ty trong việc đánh giá đúng năng lực cán bộ cả về số lượng và chất lượng từ đó có sự phân công lao động hợp lý và hiệu quả.

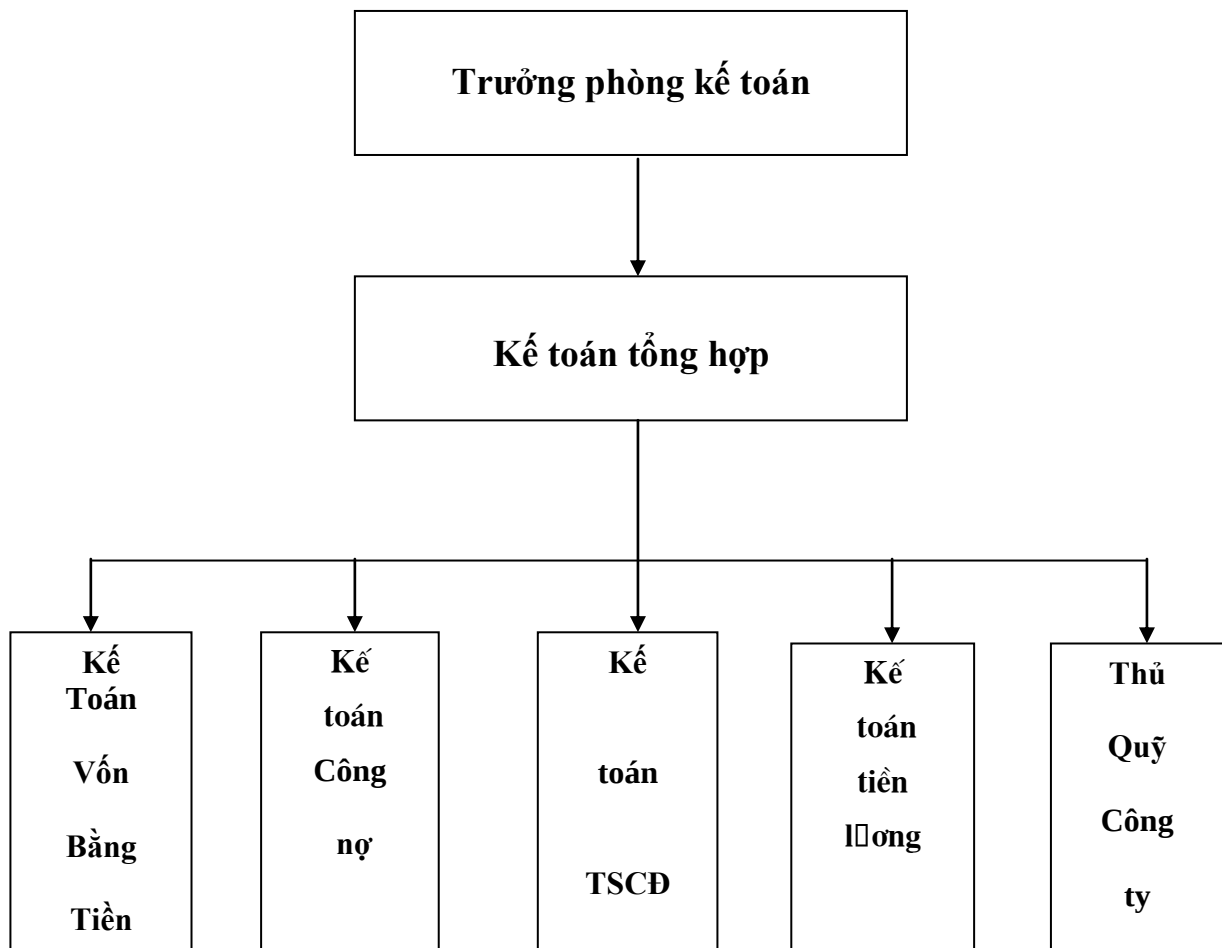
2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành.

2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành.

Bộ máy kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung.

Mô hình kế toán tập trung là mô hình tổ chức mà toàn bộ công tác kế toán trong doanh nghiệp được tiến hành tập trung tại phòng kế toán doanh nghiệp. Ở các bộ phận khác không tổ chức bộ máy kế toán riêng mà chỉ bố trí các nhân viên làm nhiệm vụ hướng dẫn kiểm tra công tác kế toán ban đầu.

Sơ đồ bộ máy kế toán



❖ Chức năng và nhiệm vụ .

• *Kế toán trưởng (kiêm trưởng phòng kế toán):*

Là người tổ chức và chỉ đạo toàn diện công tác kế toán của Công ty. Tổ chức chỉ đạo thực hiện công tác tổ chức thống kê thông tin kinh tế, hạch toán ở Công ty. Nhiệm vụ của kế toán trưởng là tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học, hợp lý phù hợp với qui mô phát triển của Công ty và theo yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Kế toán trưởng là người phân tích các kết quả kinh doanh và đầu tư để đạt hiệu quả cao, phụ trách toàn bộ công việc của cả phòng, áp dụng các chế độ hiện hành về kế toán tài chính cho Công ty, bố trí công việc cho các nhân viên trong phòng, ký duyệt các hoá đơn chứng từ, các giấy tờ cần thiết có liên quan, tổng hợp các quyết toán.

• *Kế toán vốn bằng tiền*

Kiểm tra tính hợp pháp của các chứng từ trước khi lập phiếu thu, chi. cùng thủ quỹ kiểm tra đối chiếu sử dụng tồn quỹ sổ sách và thực tế theo dõi chi tiết các khoản ký quỹ, đồng thời việc giao dịch và theo dõi còc khoản tiền gửi, tiền vay của Công ty thụng qua các tài khoản được mở ở các ngân hàng.

• *Kế toán công nợ*

Theo dõi công nợ, phải thu, phải trả. Có trách nhiệm đôn đốc khách hàng để thu nợ.

• *Kế toán TSCĐ:*

Có nhiệm vụ chủ yếu là phản ánh số hiện có, tình hình tăng giảm của TSCĐ, kể cả về số lượng, chất lượng và giá trị của TSCĐ. Từ đó hạch toán vào sổ chi tiết quản lý chặt chẽ việc sử dụng, mua sắm, sửa chữa, tính khấu hao, thanh lý, nhượng bán TSCĐ. Tính toán và phân bổ kế hoạch sử dụng TSCĐ một cách chính xác phù hợp với giá trị của TSCĐ, phù hợp với điều kiện sử dụng của Công ty.

• *Kế toán tiền lương*

Thanh toán lương thưởng phụ cấp cho các đơn vị theo lệnh của Giám đốc; thanh toán BHXH, BHYT cho người lao động theo quy định ; theo dõi việc trích lập và sử dụng quỹ lương của Công ty ; thanh toán các khoản thu, chi của công đoàn.

• *Thủ quỹ:*

có nhiệm vụ quản lý tiền mặt, thu tiền, thanh toán chi trả cho các đối tượng theo chứng từ được duyệt. Hàng tháng thủ quỹ vào sổ quỹ, lên các báo cáo quỹ, kiểm kê số tiền thực tế trong két phải khớp với số dư trên báo cáo quỹ. Thủ quỹ phải có

trách nhiệm bồi thường khi để xảy ra thất thoát tiền mặt do chủ quan gây ra và phải nghiêm chỉnh tuân thủ các qui định của Nhà nước về quản lý tiền mặt, theo dõi việc gửi tiền hay rút tiền ở ngân hàng cho kịp thời chính xác. Đồng thời lập kế hoạch thu chi hàng tháng đảm bảo cho công việc kinh doanh của Công ty được bình thường

2.1.3.2 Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty.

- Kỳ kế toán: Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ 01/01 đến hết ngày 31/12 hàng năm.

- Chế độ kế toán áp dụng: Kế toán áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC Bộ tài chính.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán: Đồng Việt Nam (VND).

- Phương pháp khấu hao: phương pháp đường thẳng theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Từ ngày 10/6/2013 áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính.

- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Phương pháp kê khai thường xuyên.

2.1.3.3 Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản sử dụng.

Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành áp dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2.1.3.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán.

- Công ty áp dụng hình thức kế toán “ Nhật ký chung” để theo dõi, quản lý và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp.

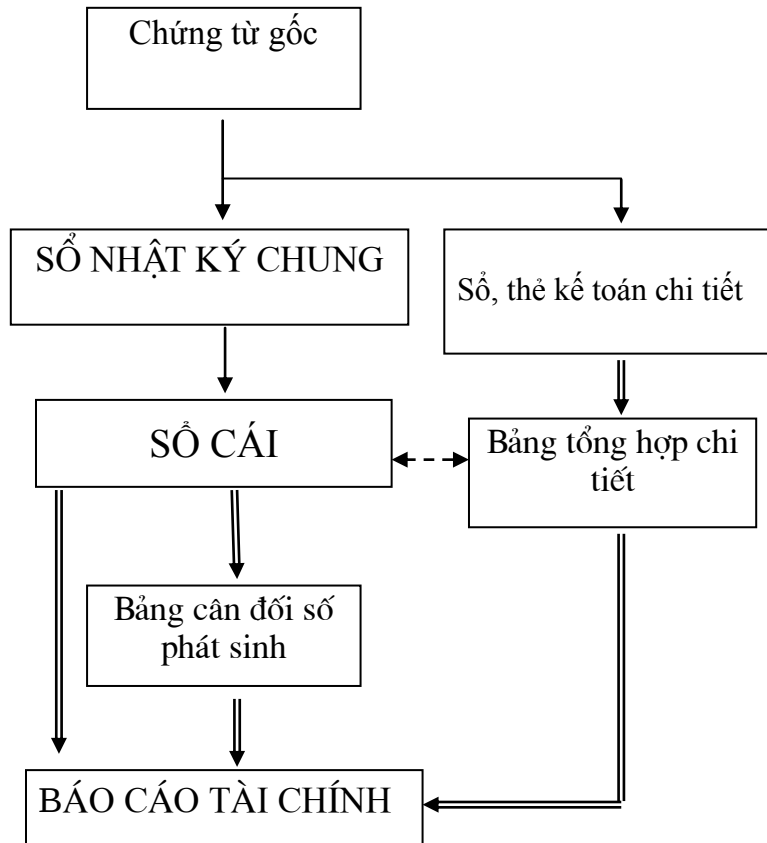
Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ thẻ chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh trên được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, quý, năm, cộng các số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ Cái và bảng Tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ thẻ chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

- Sơ đồ quy trình ghi sổ theo hình thức kế toán “Nhật ký chung”.

Quy trình ghi sổ của hình thức nhật ký chung



Diễn giải: -Ghi hàng ngày: —————→
-Ghi cuối kì: =====>
-Quan hệ đối chiếu: <----->

2.1.3.5 Tổ chức hệ thống Báo cáo tài chính.

- Các báo cáo tài chính đều được lập, trình bày đúng theo mẫu và quy định của Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC Bộ tài chính gồm:

- +Báo cáo kết quả kinh doanh.
- +Bảng cân đối kế toán.
- +Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- +Thuyết minh báo cáo tài chính.

2.2 Thực trạng công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành.

2.2.1 Phân loại và đánh giá TSCĐ tại công ty

❖ *Phân loại:*

Tài sản cố định của Công ty bao gồm nhiều loại khác nhau cùng tham gia vào quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Để có thể quản lý tốt tài sản cố định đòi hỏi Công ty phải thực hiện phân loại một cách hợp lý.

Tại Công ty, TSCĐ được phân loại theo kết cấu TSCĐ thành các nhóm như sau:

- Máy móc thiết bị xây dựng
- Nhà cửa vật kiến trúc
- Phương tiện vận tải truyền dẫn
- Thiết bị dụng cụ quản lý
- Tài sản cố định khác

Như vậy TSCĐ sử dụng ở công ty chủ yếu là phương tiện vận tải chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá trị tài sản của Công ty (từ 30 - 40%). Nhà cửa vật kiến trúc có tỷ trọng nhỏ trong tổng giá trị tài sản cố định của Công ty bao gồm: Trụ sở làm việc của công ty, VP Công ty TP.HCM. Việc phân loại tài sản cố định theo tiêu thức này rất thuận lợi cho công tác quản lý tài sản cố định và trích khấu hao TSCĐ phân bổ cho các đối tượng sử dụng. Ngoài ra đây cũng là cơ sở để kế toán lập các sổ chi tiết TSCĐ và xác định tỷ lệ khấu hao áp dụng cho các nhóm TSCĐ.

Biểu số 2.1 *Tình hình TSCĐ tại công ty ngày 31/12/2013*

Chỉ tiêu	2013	Tỷ trọng %
Tổng giá trị TSCĐ	36.774.824.819	100
Trong đó		
Nhà cửa vật kiến trúc	8.058.489.960	2,191
Máy móc thiết bị	1.995.714.285	5,427
Phương tiện vận tải	26.720.620.574	92,382

Do đặc điểm TSCĐ trong công ty chỉ có TSCĐ hữu hình ,lại thêm các biến động tăng giảm là không thường xuyên nên việc theo dõi và quản lý TSCĐ tại

công ty khá đơn giản và gọn nhẹ. Mọi TSCĐ đều được kế toán TSCĐ theo dõi chi tiết trên hệ thống sổ sách kế toán một cách rõ ràng.

❖ **Đánh giá TSCĐ tại Công ty.**

• **Nguyên giá:**

Tại công ty TSCĐ tăng chủ yếu là do mua sắm

Nguyên giá TSCĐ mua sắm (kể cả với mua cũ và mua mới) gồm:

+ giá mua thực tế phải trả.

+ các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại)

+ Các chi phí thực phát sinh liên quan trực tiếp đến TSCĐ đó tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: lãi tiền vay, chi phí vận chuyển bốc dỡ, chi phí lắp đặt chạy thử, phí, lệ phí.....(nếu có)

• **Giá trị hao mòn.**

Giá trị hao mòn TSCĐ là tổng số khấu hao lũy kế đã trích được đến thời điểm báo cáo.

• **Giá trị còn lại.**

Bên cạnh việc đánh giá TSCĐ theo nguyên giá, người ta còn đánh giá theo giá trị còn lại của TSCĐ với công thức như sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Giá trị còn lại} & & \text{Nguyên giá} & & \text{Số hao mòn lũy} \\ \text{của TSCĐ} & = & \text{TSCĐ} & - & \text{kế TSCĐ} \end{array}$$

2.2.2 Kế toán chi tiết TSCĐ tại Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành.

❖ **Chứng từ sử dụng.**

+ Hợp đồng mua bán phương tiện vận tải.

+ Hóa đơn GTGT.

+ Biên bản thanh lý TSCĐ.

+ Biên bản giao nhận phương tiện.

+ Biên bản thanh lý hợp đồng.

❖ **Sổ sách sử dụng.**

Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành không mở Thẻ TSCĐ để theo dõi từng tài sản cũng như không mở sổ chi tiết TSCĐ để theo dõi tình hình tăng giảm TSCĐ.

- **Trường hợp tăng TSCĐ.**

Căn cứ vào nhu cầu của TSCĐ trong doanh nghiệp mà kế toán cung cấp thông tin cho nhà quản lý .Khi quyết định mua TSCĐ được thông qua,kế toán TSCĐ tiến hành thực hiện các thủ tục pháp lý với bên bán theo trình tự sau:

- + Thỏa thuận về giá cả ,hình thức giao nhận,hình thức thanh toán và bồi thường ...và kí kết “hợp đồng mua bán phương tiện vận tải”

- + Khi đến hạn giao nhận tài sản,dựa trên các điều khoản đã kí kết 2 bên tiến hành giao –nhận TSCĐ và xác nhận “biên bản bàn giao phương tiện”

- +Sau quá trình kiểm tra , lắp đặt,chạy thử... (nếu có) mà không hề xảy ra các sự cố do kĩ thuật nào,bên bán sẽ viết “hóa đơn GTGT” cho bên mua theo giá đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- +Thủ tục cuối cùng trong quá trình mua bán TSCĐ là 2 bên xác lập “biên bản thanh lý hợp đồng” chấm dứt quyền và nghĩa vụ của đôi bên.

- Trường hợp giảm TSCĐ.

Nhận thấy TSCĐ không còn giá trị sử dụng trong SXKD ,kế toán chi tiết TSCĐ báo cáo lên cấp trên để có quyết định thanh lý,nhượng bán TSCĐ theo trình tự như sau:

- +Kế toán tiến hành lập “biên bản thanh lý TSCĐ”

- +Kí kết “hợp đồng mua bán” với bên mua

- +Giao nhận TSCĐ theo quy định trong hợp đồng và xác lập “Biên bản bàn giao TSCĐ”

- + Xuất hóa đơn cho bên mua.

2.2.3 Kế toán tổng hợp tăng giảm TSCĐ.

❖ Chứng từ sử dụng.

Tại Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành TSCĐ chỉ có TSCĐ hữu hình, phần lớn là phục vụ cho mảng Vận tải nên biến động ít ,công tác hạch toán luôn diễn ra đơn giản,gọn nhẹ .

- + Hợp đồng mua bán phương tiện vận tải.

- +Hóa đơn GTGT .

- +Biên bản thanh lý TSCĐ.

- +Biên bản giao nhận phương tiện.

- +Biên bản thanh lý hợp đồng.

❖ Tài khoản sử dụng.

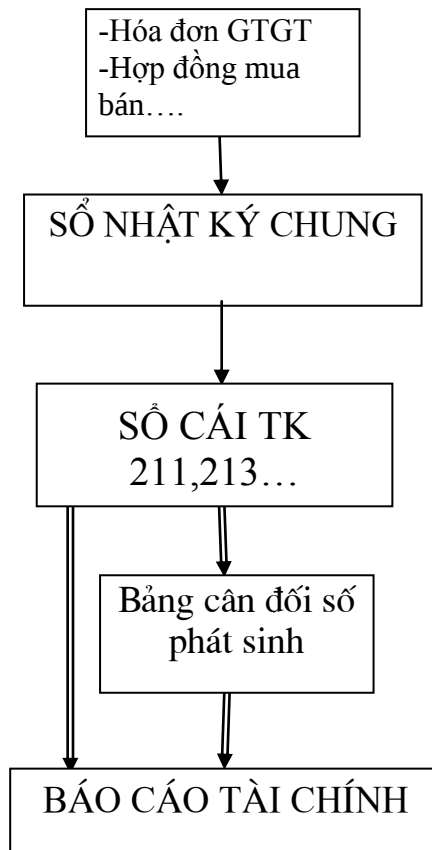
- + TK 211 “TSCĐ hữu hình”

- + TK 214 “Hao mòn TSCĐ”

- + Các TK khác liên quan: TK 111,112,331....

❖ *Quy trình hạch toán.*

Quy trình hạch toán tăng, giảm TSCĐ được thể hiện qua sơ đồ 2.2.3 như sau:



❖ *Ví dụ minh họa*

Ví dụ 1: Ngày 4/2/2013 Công ty đã tiến hành kí kết hợp đồng mua bán phương tiện vận tải tàu HP2999 đã qua sử dụng của Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hưng Hiếu với giá bao gồm cả thuế VAT là 2.500.000.000Đ. Sau khi “Hợp đồng mua bán phương tiện vận tải”- *Biểu 2.1* được chứng thực đầy đủ điều kiện pháp lý và bắt đầu có hiệu lực, Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hưng Hiếu đã tiến hành bàn giao TSCĐ thông qua “*Biên bản bàn giao phương tiện*”- *Biểu 2.2* vào ngày 4/2/2013 và trả “Hóa đơn GTGT”- *Biểu 2.3* ngày 5/2/2013. Sau khi hoàn thành quyền và nghĩa vụ đã được kí kết hai bên tiến hành lập “*Biên bản thanh lý hợp đồng*”- *Biểu 2.4*

Kế toán định khoản:

Nợ TK211: 2.272.727.273

Nợ TK133: 227.272.727

Có TK 331: 2.500.000.000

Căn cứ các chứng từ trên **kế toán ghi vào** “Nhật kí chung”: (Biểu 2.5). Từ sổ nhật kí chung kế toán tiến hành ghi vào “sổ cái TK211”: (Biểu 2.6).

Biểu 2.1: Hợp đồng mua bán phương tiện vận tải thủy.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN PHƯƠNG TIỆN THUỶ NỘI ĐỊA

Hôm nay, ngày 04 tháng 02 năm 2013, chúng tôi gồm:

BÊN BÁN: Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hưng Hiếu

Mã số doanh nghiệp: 0200785394, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 11/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 15/4/2010.

Trụ sở: số 3Đ48 Đồng Quốc Bình, phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 031.3736381

Fax: 031.3736381

Do ông: **Ngô Quang Khải**

Chức vụ: Phó Giám đốc, mang giấy

CMND số 030572535, do công an Hải Phòng cấp ngày 24/10/2002 - làm NGƯỜI ĐẠI DIỆN.



BÊN MUA: Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành

Mã số doanh nghiệp: 0800289260, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 06/8/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 18/10/2010.

Trụ sở: Khu đô thị mới, thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại:

Fax:

Do bà: **Đào Thị Đằm**

Chức vụ: Giám đốc, mang giấy

CMND số 141504175, do công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 01/8/2006 - làm NGƯỜI ĐẠI DIỆN.

Cùng nhau thoả thuận, lập và ký kết hợp đồng này với những điều khoản sau:

ĐIỀU 1: Phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi tắt là tàu sông) mua bán trong hợp đồng này có tên là HUNG HIẾU 01, số đăng ký HP 2999, mang GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THUỶ NỘI ĐỊA số 2765/ĐK, do Sở Giao thông Vận tải thành phố Hải Phòng cấp ngày 13/10/2011, cho chủ phương tiện là Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hưng Hiếu.

ĐIỀU 2: BÊN BÁN đã nhất trí bán và BÊN MUA đã nhất trí mua tàu sông HUNG HIẾU 01 đã được ghi tại điều 1 của hợp đồng, nay hai bên lập và ký kết hợp đồng này làm cơ sở pháp lý để chuyển quyền sở hữu tàu HUNG HIẾU 01

cho BÊN MUA trong hợp đồng này là Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành.

ĐIỀU 3: Chất lượng và tình trạng kỹ thuật của phương tiện

Cho đến thời điểm hai bên thỏa thuận việc mua bán và giao nhận tàu, tàu HUNG HIẾU 01 vẫn hoạt động bình thường trong trạng thái nổi, có trạng thái kỹ thuật và các trang thiết bị thỏa mãn các quy định của Đăng kiểm Việt Nam.

ĐIỀU 4: Giá cả

Hai bên đã hoàn thành giá mua bán tàu sông HUNG HIẾU 01 tại thời điểm tháng 02 năm 2013 là:

- Bằng số: 2.500.000.000,00 đ
- Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng chẵn.

Giá trên đã bao gồm các loại thuế.

ĐIỀU 5: Phương thức, thời hạn thanh toán và giao, nhận tàu

Khi ký kết hợp đồng này, hai bên xác nhận là:

- Phương thức thanh toán và việc giao nhận tiền mua bán tàu sông ghi tại điều 4 của hợp đồng này hai bên sẽ tự thỏa thuận và thực hiện.
- BÊN BÁN đã giao và BÊN MUA đã nhận tàu với đầy đủ trang thiết bị trên phương tiện trong trạng thái nổi cùng giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa và đảm bảo cho sự hoạt động bình thường của tàu HUNG HIẾU 01.

ĐIỀU 6: Thời điểm hưởng quyền sở hữu

BÊN MUA trở thành chủ sở hữu, hưởng dụng các quyền của chủ sở hữu của tàu HUNG HIẾU 01 kể từ khi hoàn tất thủ tục đăng ký sang tên chủ sở hữu con tàu này tại cơ quan có thẩm quyền.

ĐIỀU 7: Thời điểm chịu rủi ro

BÊN MUA chịu rủi ro đối với con tàu mua bán kể từ khi nhận tàu.

ĐIỀU 8: Nghĩa vụ của BÊN BÁN

- Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết về con tàu HUNG HIẾU 01 và hướng dẫn cách sử dụng con tàu cho BÊN MUA.

- Rút hồ sơ của tàu Hưng Hiếu 01 tại Sở giao thông vận tải và giao lại cho bên mua.
- Tạo điều kiện cho BÊN MUA nhanh chóng hoàn thành thủ tục sang tên chủ sở hữu tàu tại cơ quan có thẩm quyền.
- Nộp lệ phí công chứng HỢP ĐỒNG MUA BÁN PHƯƠNG TIỆN THUỶ NỘI ĐỊA.

ĐIỀU 9: Quyền và nghĩa vụ của BÊN MUA

- Yêu cầu BÊN BÁN cung cấp thông tin cần thiết về tàu HUNG HIẾU 01 và hướng dẫn cách sử dụng tàu.
- Nộp lệ phí trước bạ sang tên chủ sở hữu tàu nói trên.

ĐIỀU 10: Cam kết

10.1. BÊN BÁN cam kết:

- Đã thông báo cho BÊN MUA biết mọi thông tin cần thiết về tình trạng thực tại của tàu HUNG HIẾU 01.

- Tàu HUNG HIẾU 01 là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của BÊN BÁN TÀU và không bị ràng buộc bởi bất kỳ một hạn chế nào về quyền sở hữu. Nếu có ai, tổ chức nào kiện đòi và được công nhận có quyền, lợi ích hợp pháp vào tàu HUNG HIẾU 01 thì BÊN BÁN TÀU hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật trước người đó, tổ chức đó và bồi thường cho BÊN MUA TÀU mọi thiệt hại do việc kiện đòi đó gây ra theo quy định của pháp luật Việt Nam.

10.2. BÊN MUA cam kết: Đồng ý mua tàu HUNG HIẾU 01 với tình trạng và chất lượng của con tàu theo như thông báo của BÊN BÁN.

10.3. Hai bên cùng cam kết:

- Việc hai bên lập và ký kết hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, trong lúc tinh thần minh mẫn, sáng suốt và có khả năng nhận thức và tự chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

- Hai bên đã hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình theo các thoả thuận đã ghi trong hợp đồng này cũng như theo các quy định của pháp luật trong việc ký kết và thực hiện HỢP ĐỒNG MUA BÁN này.

- Thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này. Bên nào vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Nếu có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên sẽ gặp nhau cùng thương lượng. Trường hợp các tranh chấp không giải quyết được sẽ đưa ra Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết. Phán quyết của Tòa là cơ sở cho hai bên thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

ĐIỀU 11: Điều khoản thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ khi được cơ quan Công chứng chứng nhận.

- Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng này chỉ có giá trị pháp lý khi được hai bên thoả thuận bằng văn bản và được cơ quan Công chứng chứng nhận.
- Những nội dung chưa được hai bên thoả thuận trong hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng này được lập thành ba bản chính có giá trị pháp lý như nhau:

- 01 bản giao cho Bên bán;
- 01 bản giao cho Bên mua để làm thủ tục chuyển quyền sở hữu;
- 01 bản lưu tại Phòng Công chứng số 4 thành phố Hải Phòng.

Sau khi đọc lại, hai bên khẳng định hiểu rõ, hoàn toàn nhất trí với các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng này và cùng tự nguyện ký tên dưới đây, trước sự chứng kiến của Công chứng viên Phòng Công chứng số 4 thành phố Hải Phòng.

BÊN BÁN

SDKKD: 0200785394
CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI VẠN TÀI
HƯNG HIỆU
QUẢNG QUÝN - TP. HẢI PHÒNG

GIÁM ĐỐC
Ngô Quang Khải

BÊN MUA

SDKKD: 0800289260 - C.T. TNHH
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI
TRƯỜNG THÀNH
H. KINH MÔN - T. HẢI DƯƠNG

GIÁM ĐỐC
ĐÀO THỊ ĐÀM

SDKKD: 080
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI
TRƯỜNG THÀNH
H. KINH MÔN - T. HẢI DƯƠNG

CHỨNG NHẬN CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Tôi NGUYỄN THỊ KHUÊ, Công chứng viên Phòng Công chứng số 4 thành phố Hải Phòng chứng nhận:

HỢP ĐỒNG MUA BÁN PHƯƠNG TIỆN THUỶ NỘI ĐỊA này được giao kết giữa:

BÊN BÁN: Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hưng Hiếu, do ông Ngô Quang Khái, chức vụ: Giám đốc - làm NGƯỜI ĐẠI DIỆN.

Và:

BÊN MUA: Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành, do bà Đào Thị Dăm, chức vụ: Giám đốc - làm NGƯỜI ĐẠI DIỆN.

- Các bên đã tự nguyện thoả thuận giao kết hợp đồng và cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của hợp đồng.

- Tại thời điểm lập và ký kết hợp đồng này, các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Nội dung thoả thuận của các bên trong hợp đồng phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội.

- Các bên giao kết đã đọc lại hợp đồng này, đã đồng ý với toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã ký, đóng dấu vào hợp đồng này trước sự có mặt của tôi, ngày 04 tháng 02 năm 2013, tại trụ sở Ngân hàng TMCP Nam Việt – chi nhánh Hải Phòng – PGD số 1, số 413 Ngô Gia Tự, thành phố Hải Phòng (để thuận tiện trong việc thanh toán tiền và nhận giấy tờ tài sản nên các bên đề nghị ký tại ngân hàng).

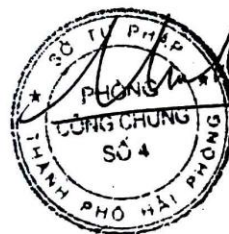
Hợp đồng này được lập thành ba bản chính (mỗi bản gồm 05 tờ, 05 trang).

SỐ CÔNG CHỨNG: 146 .NK/13.MBT
QUYỀN SỐ: 01.TP/CC-SCC/HBGD

Hải Phòng, ngày 04 tháng 02 năm 2013

BẢN GIAO CHO BÊN MUA

Đã thu
PHÍ CÔNG CHỨNG



CÔNG CHỨNG VIÊN
NGUYỄN THỊ KHUÊ

Biểu 2.2 : Biên bản bàn giao phương tiện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO PHƯƠNG TIỆN THUYẾT HP2999

Hôm nay, ngày 4 tháng 2 năm 2013. Chúng tôi gồm có

I. BÊN BÁN: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HUNG HIẾU

- Đại diện : **Ông Ngô Quang Khải** - Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: 3 Đ 48 Đồng Quốc Bình – Ngô Quyền – Hải Phòng.
- Điện thoại: 0982735029
- Mã số thuế: 0200785394
- Tài khoản: 10510000008728 Ngân hàng NAVIBANK chi nhánh Hải Phòng.

II. BÊN MUA: CÔNG TY TNHH TM&VT TRƯỜNG THÀNH

- Đại diện : **Bà Đào Thị Đàm** - Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Minh Tân - Kinh Môn - Hải Dương
- Điện thoại: 0320.821.283 - 0913.266.895 - Fax: 0320.521.102
- Mã số thuế: 0800289260
- Tài khoản: 102010000355511 NH Công Thương Nội Chiểu - Hải Dương.

Hai bên cùng nhau thống nhất lập biên bản bàn giao phương tiện thuyền với nội dung như sau:

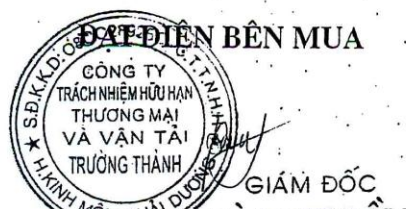
Bên bán bàn giao cho bên mua một phương tiện vận tải thuyền đăng ký mang biển HP2999, trọng tải 958 tấn, đăng ký tại Sở giao thông vận tải Hải Phòng bao gồm:

- Sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thuyền nội địa
- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thuyền nội địa
- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thuyền nội địa
- Sổ chứng nhận thể tích chiếm nước phương tiện thuyền nội địa.
- Biên bản kiểm tra SA08
- Biên bản kiểm tra SA03

Cùng toàn bộ đầy đủ các chi tiết, phương tiện trên tàu hoạt động tốt.

Bên mua nhận bàn giao phương tiện tàu nguyên trạng, toàn bộ giấy tờ hợp lệ và toàn bộ trang thiết bị trong tàu, tàu vận hành tốt.

Chúng tôi nhất trí lập biên bản này thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.3 : Hóa đơn giá trị gia tăng.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/11P

Số: 0000006

Liên 2: Giao người mua

Ngày 5 tháng 2 năm 2013

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HUNG HIẾU

Mã số thuế: 0200785394

Địa chỉ: Số 3Đ48 Đồng Quốc Bình, P. Đồng Quốc Bình, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Điện thoại: 031.3736381

Số tài khoản: 10510000008728 tại Ngân hàng TMCP Nam Việt - CN Hải Phòng

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thị Thanh Hương

Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành

Mã số thuế: 0800289260

Địa chỉ: Khu Đô Thị Mới - TT Minh Tân - Kinh Môn - Hải Dương

Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Những bình tải H.P 2999 đã qua sử dụng	lái	1		2.212.727.213
Tổng cộng tiền hàng:					2.212.727.213
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					221.272.721
Tổng cộng tiền thanh toán					2.500.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng chẵn /					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đinh Thị Hương

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hàng)

Người đóng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trương Khắc



In tại Công ty Cổ phần bao bì Đồ họa Chuyên nghiệp. Mã số thuế: 0200638946.ĐT: 031.3826557-3686954.

Biểu 2.4 : Biên bản thanh lý hợp đồng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

- Căn cứ hợp đồng kinh tế ngày 04/02/2013.
- Căn cứ vào nhu cầu của hai đơn vị
- Căn cứ vào biên bản bàn giao phương tiện đã ký giữa hai bên.

Hôm nay, ngày 5 tháng 02 năm 2013. Tại trụ sở văn phòng Công ty Cổ Phần Thương mại Vận Tải Hưng Hiếu Chúng tôi gồm có :

I. ĐẠI DIỆN BÊN A : CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HƯNG HIẾU

- Đại diện : **Ông Ngô Quang Khải** - Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: 3Đ48 Đồng Quốc Bình - Phường Đồng Quốc Bình - Ngô Quyền - Hải Phòng
- Điện thoại: 0313 373381 - Fax: 0313 3736381
- Mã số thuế: 0200785394
- Tài khoản: 10510000008728 NH NAVI BANK Chi Nhánh Hải Phòng

II. ĐẠI DIỆN BÊN B : CÔNG TY TNHH TM VÀ VẬN TẢI TRƯỜNG THÀNH

- Đại diện : **Đào Thị Đầm** - Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Minh Tân - Kinh Môn - Hải Dương
- Điện thoại: 0320.3821.283 - 0913.266.895 - Fax: 0320.3521.102
- Mã số thuế: 0800289260
- Tài khoản: 102010000355511 NH Công Thương Nhị Chiểu - Hải Dương.

Hai bên cùng nhau thống nhất thanh lý hợp đồng đã ký ngày 4/2/2013 Bên B đã thanh toán đầy đủ số tiền cho bên A . Bên A cũng bàn giao đầy đủ các giấy tờ liên quan đến tàu HP2999 theo đúng hợp đồng mua bán đã ký và bên B không còn nợ bên A :

Biên bản thanh lý hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
ĐÀO THỊ ĐẦM

Biểu 2.5 : Sổ nhật kí chung.

Đơn vị: Công ty TNHH TM và VT Trường Thành
Địa chỉ: Khu đô thị mới TT Minh Tân-Kinh Môn-Hải Dương

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm: 2013

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
5/2	HD00006	5/2	Mua tàu HP2999			211	2.272.727.273	
5/2	HD00006	5/2	Mua tàu HP2999			133	227.272.727	
5/2	HD00006	5/2	Mua tàu HP2999			331		2.500.000.000
5/2	PC34	5/2	Thanh toán lương			334	641.763.597	
5/2	PC34	5/2	Thanh toán lương			111		641.763.597
7/2	PN45	7/2	Mua hàng hóa			156	869.399.960	
7/2	PN45	7/2	Mua hàng hóa			133	86.939.996	
7/2	PN45	7/2	Mua hàng hóa			331		956.339.956
								
			Cộng phát sinh cả năm			X	145.214.024.813.990	145.214.024.813.990

_Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

_Ngày mở sổ:.....

Người lập sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày....tháng....năm....
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bùi Thị Ngọc

Nguyễn Thị Thanh Hương

Đào Thị Đàm

Biểu 2.6 : Sổ cái TK211.

Đơn vị: Công ty TNHH TM và VT Trường Thành

Địa chỉ: Khu đô thị mới TT Minh Tân-Kinh Môn-Hải Dương

Mẫu số: S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2013

Tên tài khoản: Nguyên giá TSCĐ

Số hiệu: 211

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật kí chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1.00 đ	2
			<u>Số dư đầu tháng 2</u>				<u>20,357,891,145</u>	
5/2	HD00006	5/2	Mua tàu HP2999			331	<u>2,272,727,273</u>	
			<u>Cộng số phát sinh</u>			X	<u>2,272,727,273</u>	
			<u>Số dư cuối tháng 2</u>			X	<u>22,630,618,418</u>	

_Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

_Ngày mở sổ:.....

Người lập sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bùi Thị Ngọc

Nguyễn Thị Thanh Hương

Đào Thị Đàm

Ví dụ minh họa 2: Ngày 20/3/2013 Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành đã lập “*Biên bản thanh lý TSCĐ*”- *Biểu 2.7* và tiến hành kí kết “*Hợp đồng mua bán phương tiện vận tải*”- *Biểu 2.8* tàu HD0686 đã qua sử dụng cho ông Vũ Hữu Nhị với giá bao gồm cả thuế VAT là 180.000.000Đ. Sau khi hợp đồng được chứng thực đầy đủ điều kiện pháp lý và bắt đầu có hiệu lực, 2 bên đã tiến hành bàn giao TSCĐ theo “*Biên bản bàn giao phương tiện*”- *Biểu 2.9* và viết “*Hóa đơn GTGT*”- *Biểu 2.10* cho bên mua ngày 20/3/2013.

Kế toán định khoản:

Bút toán 1:

Nợ TK811: 215.943.149Đ

Nợ TK 214: 754.056.851Đ

Có Tk211: 970.000.000Đ

Bút toán 2:

Nợ TK 131: 180.000.000Đ

Có TK711: 163.636.364Đ

Có TK3331: 16.363.636Đ

+Kế toán lập Phiếu kế toán (Biểu 2.11) để xóa sổ TSCĐ

+ Căn cứ vào các chứng từ trên kế toán ghi vào “*Nhật kí chung*”: (Biểu 2.12). Từ sổ nhật kí chung kế toán tiến hành ghi vào “*sổ cái TK211*”: (Biểu 2.13).

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI TRƯỜNG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

BIÊN BẢN THANH LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Hôm nay ngày 20 tháng 3 năm 2013 ,tại công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành.Chúng tôi gồm có:

1. Bà Đào Thị Đàm – Giám đốc.
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Kế toán trưởng.
3. Bà Vũ Thị Lý – Thủ quỹ.

Cùng nhau tiến hành thanh lý tài sản cố định:

- Tên, quy cách,mã hiệu: Tàu HD0686.
- Năm và nơi đóng: 2001 N/M Cơ khí 82 Hải Phòng.
- Cấp phương tiện: VR-SII Công dụng:Chở hàng khô
- Nguyên giá TSCĐ:970.000.000đ
- Giá trị hao mòn lũy kế: 754.056.851đ
- Giá trị còn lại : 215.943.149 đ.
- Giá trị thu hồi dự kiến :180.000.000đ

Biên bản được lập xong lúc 11h cùng ngày.

Biểu 2.8 : Hợp đồng mua bán phương tiện vận tải.

Bên bán nhất trí bàn giao toàn bộ hiện trạng của tàu cho bên mua vào ngày 20/3/2013.

ĐIỀU 2: GIÁ CẢ VÀ ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN

- Giá cả của tàu HD 0686 là: **180.000.000đ** (Không bao gồm thuế GTGT)
- Ngày 20/3/2013 bên mua sẽ trả toàn bộ số tiền 180.000.000 đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) vào Ngân hàng để lấy giấy tờ đăng ký gốc, bên bán giao cho bên mua toàn bộ giấy tờ liên quan và bàn giao tàu cho bên mua.

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

1/ Trách nhiệm của bên mua:

- Sẽ thực hiện nghiêm túc việc mua bán và trả tiền cho bên bán như đã thoả thuận ở điều 2
- Thanh toán cho bên bán đúng như điều 2

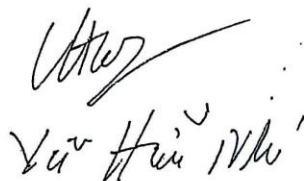
2/ Trách nhiệm của bên bán:

- Bàn giao đầy đủ giấy tờ hợp lệ và toàn bộ hiện trạng của phương tiện cho Bên mua để Bên mua đăng ký chuyển đổi sở hữu.

ĐIỀU 4: CAM KẾT CHUNG

- Những Điều khoản ghi trong hợp đồng này mang tính nguyên tắc và chỉ được thay đổi khi có sự thống nhất của cả hai bên và được ghi trong phụ lục hợp đồng.
- Nếu bên mua hoặc bên bán thay đổi quyết định không mua hoặc không bán thì sẽ phải chịu phạt là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng)
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng có gì vướng mắc hai bên cùng nhau hợp tác thương lượng giải quyết. Trường hợp không giải quyết được, thì sẽ đưa ra Toà án kinh tế tỉnh Hải Dương để giải quyết, án phí và mọi chi phí có liên quan đến tranh chấp do bên thua kiện chịu.
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Sau khi thanh toán xong giữa hai bên hợp đồng đương nhiên được thanh lý.
- Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN MUA


Vũ Thị Ngân Anh

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN




PHÓ GIÁM ĐỐC
VŨ VĂN THÀNH

Biểu 2.9 : Biên bản bàn giao phương tiện.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO PHƯƠNG TIỆN THUYỀN HD0686

Hôm nay, ngày 20 tháng 3 năm 2013. Chúng tôi gồm có

I. BÊN BÁN: CÔNG TY TNHH TM&VT TRƯỜNG THÀNH

- Đại diện : **Ông Vũ Văn Thành** - Chức vụ: Phó Giám đốc
- Địa chỉ: Minh Tân - Kinh Môn - Hải Dương
- Điện thoại: 0320.821.283 - 0913.266.895 - Fax: 0320.521.102
- Mã số thuế: 0800289260
- Tài khoản: 102010000355511 NH Công Thương Nhị Chiểu - Hải Dương.

II. BÊN MUA: ÔNG VŨ HỮU NHỊ

- Địa chỉ: Vĩnh Hòa – Mạo Khê – Đông Triều – Quảng Ninh
- Điện thoại: 0933.116.838

Hai bên cùng nhau thống nhất lập biên bản bàn giao phương tiện thuyền với nội dung như sau:

Bên bán bàn giao cho bên mua một phương tiện vận tải thủy đăng ký mang biển HD0686, trọng tải 486 tấn, đăng ký tại Sở giao thông vận tải Hải Dương bao gồm:

- Sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy nội địa
- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa
- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa
- Sổ chứng nhận thể tích chiếm nước phương tiện thủy nội địa.
- Biên bản kiểm tra SA08
- Biên bản kiểm tra SA03

Cùng toàn bộ đầy đủ các chi tiết, phương tiện trên tàu hoạt động tốt.

Bên mua nhận bàn giao phương tiện tàu nguyên trạng, toàn bộ giấy tờ hợp lệ và toàn bộ trang thiết bị trong tàu, tàu vận hành tốt.

Chúng tôi nhất trí lập biên bản này thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

ĐẠI DIỆN BÊN MUA



PHÓ GIÁM ĐỐC
VŨ VĂN THÀNH

Vũ Hữu Nhị

Biểu 2.12 : Sổ nhật kí chung.

Đơn vị: Công ty TNHH TM và VT Trường Thành
Địa chỉ: Khu đô thị mới TT Minh Tân-Kinh Môn-Hải Dương

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm: 2013

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
18/3	PX187	18/3	Bán hàng chưa thu tiền			632	300.530.000	
18/3	PX187	18/3	Bán hàng chưa thu tiền			156		300.530.000
19/3	HD1168	19/3	Bán hàng chưa thu tiền			131	427.500.000	
19/3	HD1168	19/3	Bán hàng chưa thu tiền			511		388.636.364
19/3	HD1168	19/3	Bán hàng chưa thu tiền			333		38.863.636
20/3	PKT120	20/3	Xoá sổ TSCĐ (tàu HD0686)			811	215.943.149	
20/3	PKT120	20/3	Xoá sổ TSCĐ (tàu HD0686)			214	754.056.851	
20/3	PKT120	20/3	Xoá sổ TSCĐ (tàu HD0686)			211		970.000.000
								
			Cộng phát sinh cả năm			X	145.214.024.813.990	145.214.024.813.990

_Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

_Ngày mở sổ:.....

Người lập sổ
(Ký, họ tên)
Bùi Thị Ngọc

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
Nguyễn Thị Thanh Hương

Ngày....tháng....năm....
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)
Đào Thị Đàm

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.13: Sổ cái TK 211

Đơn vị: Công ty TNHH TM và VT Trường Thành
Địa chỉ: Khu đô thị mới TT Minh Tân-Kinh Môn-Hải Dương

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2013

Tên tài khoản: Nguyên giá TSCĐ

Số hiệu: 211

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật kí chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			<u>Số dư đầu tháng 3</u>				22,630,618,418	
20/3	PKT 120	20/3	Xác định giá trị còn lại			811		215.943.149
20/3	PKT 120	20/3	Xác định giá trị còn lại			214		754.056.851
			<u>Cộng số phát sinh</u>			X		970.000.000
			<u>Số dư cuối tháng 3</u>			X	<u>21,660,618,418</u>	

_Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

_Ngày mở sổ:.....

Người lập sổ

(Ký, họ tên)

Bùi Thị Ngọc

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Thanh Hương

Ngày....tháng....năm....

Giám đốc

(Ký, họ tên,
đóng dấu)

Đào Thị Đàm

2.2.4 Kế toán khấu hao TSCĐ.

❖ Chứng từ sử dụng.

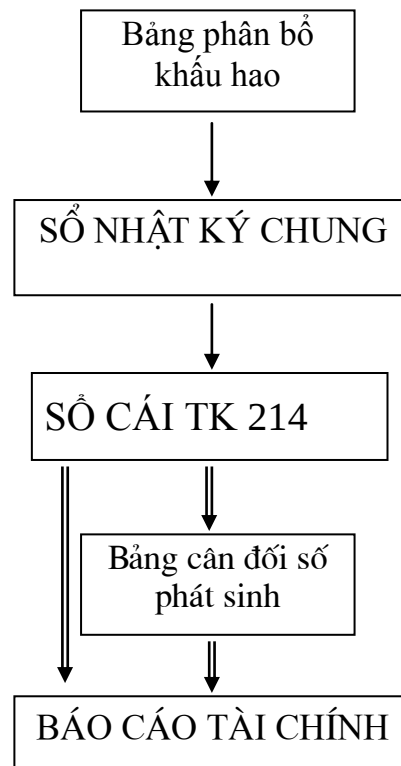
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.

❖ Tài khoản sử dụng.

- TK 214, TK642.

❖ Quy trình hạch toán:

Quy trình hạch toán khấu hao TSCĐ được thể hiện qua sơ đồ 2.2.4 như sau:



❖ Ví dụ minh họa.

Ví dụ minh họa 3: Cuối tháng 4, kế toán lập “Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ”- Biểu 2.14. Căn cứ vào bảng này kế toán ghi sổ “Nhật kí chung”: (Biểu 2.15). Từ sổ nhật kí chung kế toán tiến hành ghi vào “sổ cái TK211”: (Biểu 2.16).

Biểu 2.14 : Bảng tính và phân bổ khấu hao.

Đơn vị: Công ty TNHH TM và VT Trường Thành

Địa chỉ: Khu đô thị mới TT Minh Tân-Kinh Môn-Hải Dương

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ

Tháng 04 năm 2013

STT	Tên tài sản	Ngày sử dụng	Số tháng khấu hao	Nguyên giá	Giá trị khấu hao trong kỳ	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
	<i>Nhà cửa ,vật kiến trúc</i>			10,400,621,236	26,861,633	1,047,603,687	9,326,155,916
1	Văn phòng cty TPHCM	1/1/2010		2,342,131,276			2,342,131,276
2	Văn phòng công ty	1/1/2010	300	8,058,489,960	26,861,633	1,047,603,687	6,984,024,640
	<i>Máy móc ,thiết bị</i>			495,714,285	8,261,905	495,714,285	
3	Máy xúc Komatsu	6/4/2007	60	495,714,285	8,261,905	495,714,285	
	<i>Phương tiện vận tải</i>			20,690,679,887	265,472,011	8,439,080,058	11,986,127,818
5	Xe 34A-00.550	1/4/2011	60	454,545,454	7,575,758	181,818,192	265,151,504
6	Xe ô tô 7 chỗ	27/9/2011	72	1,185,000,000	16,458,333	279,791,661	888,750,006
7	Xe ô tô 34L-9898	4/5/2009	72	3,028,620,720	42,064,176	1,977,016,272	1,009,540,272
8	Xe ô tô Inova 34L-3199	21/6/2007	72	445,293,999	6,184,639	352,524,415.88	86,584,944

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

9	Xe máy 34P2-0072	24/10/2008	60	80,454,545	1,340,909	71,068,181.42	8,045,455
10	Sà la tự hành HD1118	1/8/2008	84	1,379,316,856	16,420,439	919,544,570.67	443,351,847
12	tàu thủy HD0109	1/1/2007	84	2,920,890,793	34,772,509	2,190,668,094.75	695,450,189
14	Sà la tự hành HD1182	1/1/2007	84	652,901,000	7,772,631	489,675,750	155,452,619
15	Sà la tự hành HD1327	1/4/2007	84	580,458,000	6,910,214	414,612,857.14	158,934,929
16	Sà la tự hành HD1456	1/4/2011	72	1,719,000,000	23,875,000	573,000,000	1,122,125,000
17	Sà lan tự hành HD1476	1/4/2012	84	870,000,000	10,357,143	124,285,714.29	735,357,143
18	Sà lan tự hành HD1501	10/4/2011	72	1,516,500,000	21,062,500	505,500,000	989,937,500
19	Sà lan tự hành HD1816	10/1/2013	84	2,542,771,148	30,271,085	121,084,340.38	2,391,415,722.52
20	Sà lan tự hành HD1826	1/4/2013	84	2,839,527,372	33,803,897	33,803,897	2,771,919,577.71
22	Xe ô tô Mazda	30/8/2010	72	475,400,000	6,602,778	204,686,111.11	264,111,111.11

Tổng cộng

31,587,015,408

300,595,549

9,982,398,030

21,312,283,734

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.15 : Sổ Nhật kí chung.

Đơn vị: Công ty TNHH TM và VT Trường Thành

Mẫu số: S03a-DN

Địa chỉ: Khu đô thị mới TT Minh Tân-Kinh Môn-Hải Dương

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm: 2013

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
29/4	PBKHT04	29/4	Phân bổ khấu hao nhà của vật kiến trúc T4			642	26,861,633	
29/4	PBKHT04	29/4	Phân bổ khấu hao nhà của vật kiến trúc T4			214		26,861,633
29/4	PBKHT04	29/4	Phân bổ khấu hao máy móc thiết bị T4			642	8,261,905	
29/4	PBKHT04	29/4	Phân bổ khấu hao máy móc thiết bị T4			214		8,261,905
29/4	PBKHT04	29/4	Phân bổ khấu hao phương tiện vận tải T4			642	265,472,011	
29/4	PBKHT04	29/4	Phân bổ khấu hao phương tiện vận tải T4			214		265,472,011
								
			Cộng phát sinh cả năm			X	145.214.024.813.990	145.214.024.813.990

_Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

_Ngày mở sổ:.....

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.16 : Sổ cái TK214.

Đơn vị: Công ty TNHH TM và VT Trường Thành
Địa chỉ: Khu đô thị mới TT Minh Tân-Kinh Môn-Hải Dương

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SÔ CÁI

Năm: 2013

Tên tài khoản: Hao mòn TSCĐ

Số hiệu: 214

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật kí chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			<i>Số dư đầu tháng 4</i>					2.814.602.746
29/4	PBKH04	29/4	Phân bổ KH T4			642		26.861.633
29/4	PBKH04	29/4	Phân bổ KH T4			642		8.261.905
29/4	PBKH04	29/4	Phân bổ KH T4			642		265.472.011
			<i>Cộng số phát sinh</i>			X		300,595,549
			<i>Số dư cuối tháng 4</i>			X		3.115.198.295

_Số này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

_Ngày mở sổ:.....

Người lập sổ

(Ký, họ tên)

Bùi Thị Ngọc

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Thanh Hương

Ngày....tháng....năm....

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đào Thị Đàm

2.2.5 *Kế toán sửa chữa TSCĐ.*

❖ *Chứng từ sử dụng.*

- Hợp đồng kinh tế.
- Biên bản khảo sát.
- Bảng dự toán vật tư sửa tàu.
- Biên bản nghiệm thu chi tiết.
- Biên bản quyết toán.
- Biên bản bàn giao xuất xưởng đưa phương tiện vào sử dụng
- Hóa đơn GTGT.
- Biên bản thanh lý hợp đồng.

Trong quá trình sử dụng, TSCĐ thường bị hỏng hóc, giá trị sử dụng bị sụt giảm, do đó kế toán phải thực hiện thủ tục, giấy tờ để tiến hành sửa chữa, nâng cấp TSCĐ kịp thời theo trình tự như sau:

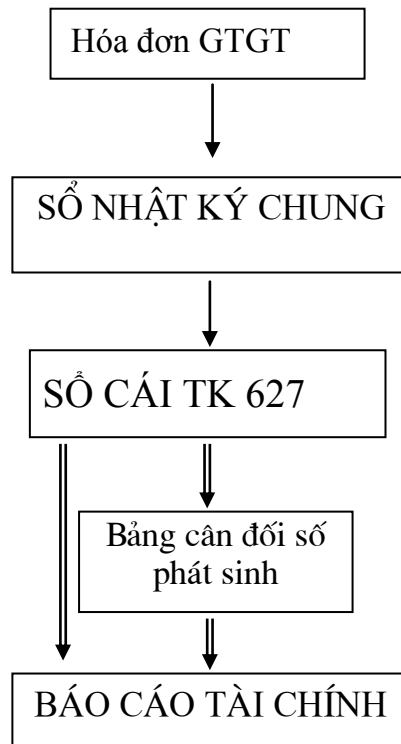
- + Tiến hành thỏa thuận và kí kết “hợp đồng kinh tế”
- + Bên nhận sửa chữa lập “biên bản khảo sát” mức độ thiệt hại và 2 bên kí xác nhận
- + Bên nhận sửa chữa lập “bảng dự toán chi phí” cho bên sửa chữa xem xét
- + Bên nhận sửa chữa sau khi hoàn thành công việc lập “Biên bản nghiệm thu” và xác định tổng giá trị hợp đồng trong “biên bản quyết toán” cho bên sửa chữa.
- + TSCĐ sau khi sửa chữa xong được bàn giao lại cho bên sửa chữa theo “biên bản giao nhận” được có chữ kí xác nhận của 2 bên.
- + Cuối cùng, sau khi TSCĐ đưa vào sử dụng hoạt động một cách bình thường bên nhận sửa chữa tiến hành xuất “hóa đơn GTGT” cho bên sửa chữa và “thanh lý hợp đồng” chấm dứt quyền và nghĩa vụ các bên.

❖ *Tài khoản sử dụng.*

- TK627, TK133, TK331, 241

❖ *Quy trình hạch toán.*

Quy trình hạch toán sửa chữa TSCĐ được thể hiện qua sơ đồ 2.2.5 như sau



❖ *Ví dụ minh họa.*

Ví dụ minh họa 4: Ngày 23/4/2013 Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành đã tiến hành kí kết hợp đồng kinh tế với Công ty TNHH MTV Tân Trường Giang HD về việc thuê đơn vị này là đơn vị tham gia sửa chữa tàu cho doanh nghiệp. Sau khi hợp đồng kinh tế được chứng thực đầy đủ điều kiện pháp lý và bắt đầu có hiệu lực, bên A đã tiến hành bàn giao TSCĐ cho bên B tiến hành sửa chữa.

Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế : số 06/HĐKT-2013 – Biểu 2.21
- Biên bản khảo sát – Biểu 2.22
- Bảng dự toán vật tư sửa tàu – Biểu 2.23
- Biên bản nghiệm thu chi tiết – Biểu 2.24
- Biên bản quyết toán – Biểu 2.25
- Biên bản bàn giao xuất xưởng đưa phương tiện vào sử dụng – Biểu 2.26
- Hóa đơn GTGT: số 0001174 – Biểu 2.27
- Biên bản thanh lý hợp đồng – Biểu 2.28

Kế toán ghi sổ:

+ “Nhật kí chung”: (Biểu 2.29).

+ Từ sổ nhật kí chung kế toán tiến hành ghi vào “sổ cái TK 627”: (Biểu 2.30).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC
-----000-----

TTG

Tân Trường Giang

Hải Dương, ngày 23 tháng 04 năm 2013

HỒ SƠ SỬA TÀU HD 1456

CHỦ ĐẦU TƯ : C.TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI TRƯỜNG THÀNH

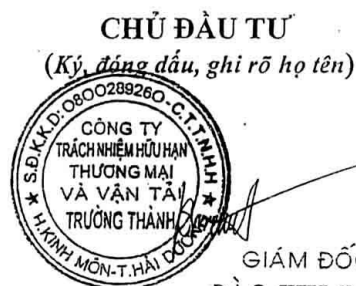
ĐƠN VỊ THI CÔNG : C.TY TNHH MTV TÂN TRƯỜNG GIANG HD

TỔNG GIÁ TRỊ : 534.721.000đ

Bằng chữ: Năm trăm ba mươi tư triệu, bảy trăm hai mươi một nghìn đồng chẵn./



GIÁM ĐỐC
LÊ THỊ NHƯNG



GIÁM ĐỐC
ĐÀO THỊ ĐÀM

Biểu 2.21 : Hợp đồng kinh tế.

C.TY TNHH MTV TÂN TRƯỜNG GIANG HD
TỪ LẠC - KINH MÔN - HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....000.....
Từ Lạc, ngày 22 tháng 03 năm 2013

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 06/HĐKT - 2013

"V/v: Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải thủy tàu HD1456"

- Căn cứ Bộ luật dân sự và Luật Thương mại của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/06/2006.
- Căn cứ vào đơn đặt hàng của bên A.
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.
- Hôm nay, ngày 22 tháng 03 năm 2013. Tại văn phòng – Công ty TNHH MTV Tân Trường Giang hai bên chúng tôi gồm có:

BÊN A: C.TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI TRƯỜNG THÀNH

Đại diện bà : Đào Thị Đàm Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ : TT Minh Tân - Kinh Môn - Hải Dương
Điện thoại : 03203.522.185
Mã số thuế : 0800.289.260
Tài khoản số : 102010000355511 - NH Công Thương Nhị Chiểu

BÊN B: C.TY TNHH MTV TÂN TRƯỜNG GIANG HD

Đại diện bà : Lê Thị Nhung Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ : Khu Từ Lạc 1 - TT Minh Tân - Kinh Môn - Hải Dương
Điện thoại : 0904.08.2255
Mã số thuế : 0800.995.594
Tài khoản số : 102010001576328 - NH Công Thương Nhị Chiểu

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng kinh tế với nội dung sau:

ĐIỀU I : HẠNG MỤC CÔNG VIỆC

Bên A thuê bên B sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải thủy **HD - 1456** gồm các hạng mục sửa chữa sau:

- * Thay la canh khoang mũi + khoang lái.
- * Thay mạn trong khoang mũi + khoang lái
- * Thay vách mũi + vách giữa.
- * Thay mặt bong phải + mặt bong trái.
- * Vá cabin phải + cabin trái.
- * Thay riềm mái cabin.
- * Vá cửa cabin.

* Biện số 2 bên cabin.

Số m2 cần được sửa chữa và bảo dưỡng sẽ được ghi cụ thể trong biên bản khảo sát ký ngày 22/03/2013.

ĐIỀU II : VẬT TƯ

- Do bên B cung cấp toàn bộ: Tôn, que hàn, sơn, dung môi, oxy, Gas...

ĐIỀU III: THỜI GIAN THI CÔNG VÀ PHƯƠNG THỨC NGHIỆM THU

1-Thời gian:

- Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm 2013 đến ngày 23 tháng 04 năm 2013.

- Trong trường hợp bất khả kháng làm ảnh hưởng tới tiến độ thi công bên B sẽ chủ động thông báo trực tiếp cho bên A hoặc bằng văn bản để cùng thương lượng, khắc phục giải quyết đảm bảo cho hai bên cùng có lợi.

2- Phương thức thực hiện:

**Đối với các hạng mục phải sửa chữa thay mới tôn:*

- Xưởng sẽ cho công nhân bóc tách hết phần tôn đã bị mỏng, thủng phải thay mới. Sau đó dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ.

- Hàn mới bằng tôn 8.

- Đối với toàn bộ phần tôn đã thay sẽ được sơn 4 nước: mặt trong 2 nước, mặt ngoài 2 nước bằng loại sơn 2 thành phần Epomarine HB68 Silver Red, Epomarine HB68 Finish Oxide Red, Epomarine HB68 Harclener.

**Đối với phần vá mái cabin phải và trái, cửa cabin.*

- Do những đoạn tôn ở đây chỉ mòn và bục ở từng đoạn lên xưởng cũng sẽ bóc tách loại bỏ những đoạn tôn đã hỏng cần được thay mới. Sau khi tôn 8 sẽ được cắt gia công hàn mới vào đoạn cần thay.

- Phần tôn vá cũng được sơn phủ 4 nước: mặt trong 2 nước, mặt ngoài 2 nước bằng loại sơn 2 thành phần Epomarine HB68 Harclener.

3- Phương thức nghiệm thu.

Nghiệm thu theo kích thước ghi trong biên bản khảo sát.

ĐIỀU IV: GIÁ CẢ, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

1- Giá cả:

- Giá khoán gọn trên 1m2 sửa chữa và bảo dưỡng là: 1.200.000 đồng

(Bằng chữ: Một triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn)

(Giá trên bao gồm 10% thuế)

- Trong quá trình làm nếu bên A có yêu cầu hàn dịch vụ giá hàn sẽ được tính gọn:

(5.000 đ/ Ique) giá trên đã bao gồm cả công, que hàn, oxy, ga.

2- Phương thức thanh toán:

- Thanh toán bằng chuyển khoản.

- Bên A thanh toán cho bên B 100% số tiền trên, không nợ quá 90 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn xuất xưởng và bàn giao tàu.

ĐIỀU V: TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN

1- Trách nhiệm bên A:

- Cung cấp đầy đủ thông tin kỹ thuật.
- Chuẩn bị ban nghiệm thu cùng bên B sau khi hoàn thành công việc.
- Thanh toán đầy đủ theo điều IV.
- Chấp hành nội quy, quy chế của bên B, đăng ký danh sách những người giám sát trong thời gian làm việc tại bên B với phòng bảo vệ Công ty, để đảm bảo an toàn và vệ sinh chung của bên B và địa phương, trật tự an ninh khi ra vào công ty. Không được tự ý sử dụng thiết bị của bên B, nếu cố tình sử dụng thiết bị của bên B để xảy ra hỏng hóc, mất an toàn trong sản xuất phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi hoàn 100% kinh phí. Mọi phát sinh bên ngoài quản lý của bên B thì bên B không chịu trách nhiệm.

2- Trách nhiệm bên B:

- Chuẩn bị tốt các thiết bị và vật tư trước khi thi công.
- Cung cấp vật tư đảm bảo đúng chủng loại và số lượng.
- Đơn giá vật tư, nhân công được tính tại thời điểm hai bên ký kết hợp đồng kinh tế và lập dự toán chi tiết kèm theo.
- Chịu trách nhiệm về an toàn lao động cho người và phương tiện.
- Cung cấp hóa đơn GTGT cho bên A đúng theo pháp luật hiện hành.

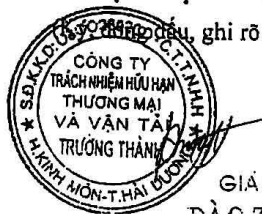
Trách nhiệm chung: Mọi phát sinh xảy ra trong phạm vi cơ quan hai bên phải gặp nhau để bàn bạc cùng giải quyết.

ĐIỀU VI: CAM KẾT THI HÀNH

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản của hợp đồng đã ký, bên nào vi phạm bên đó chịu trách nhiệm và chịu phạt theo đúng pháp luật của Nhà Nước hiện hành.

- Trong quá trình thực hiện nếu có gì trở ngại khó khăn và có sự thay đổi về số lượng, giá cả, tiến độ cung ứng hai bên sẽ thông báo cho nhau bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết. Không đơn phương thay đổi hợp đồng.

- Hợp đồng được lập thành 02 bản, bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
ĐÀO THỊ ĐÀM

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
LÊ THỊ NHUNG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.22 : Biên bản khảo sát.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BIÊN BẢN KHẢO SÁT

"V/v sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải thủy tàu HD - 1456"

ôm nay ngày 22 tháng 03 năm 2013

ị văn phòng C.Ty TNHH MTV Tân Trường Giang HD chúng tôi gồm

ĐẠI DIỆN BÊN A: C.TY TNHH Thương Mại và Vận Tải Trường Thành

Bà: Đào Thị Đàm

Chức vụ: Giám Đốc

Bà: Nguyễn Thị Hương

Chức vụ: Kế Toán

ĐẠI DIỆN BÊN B: C.TY TNHH MTV Tân Trường Giang HD

Bà: Lê Thị Nhung

Chức vụ: Giám Đốc

cùng nhau khảo sát khối lượng công việc các hạng mục sửa chữa tàu **HD - 1456:**

Diễn Giải	ĐVT	Dài	Rộng	~	SL	Vật tư	Tổng m2	Khối lượng kg
Thay la canh khoang mũi	m	14,2	5,9		1	Tôn 8	83,780	5261,384
Thay la canh khoang lái	m	14,25	5,9		1	Tôn 8	84,075	5279,91
Thay mạn trong khoang mũi	m	14,2	3,6		2	Tôn 8	102,240	6420,672
Thay mạn trong khoang lái	m	14,25	3,6		2	Tôn 8	102,600	6443,28
Thay vách mũi	m	5,8	3,6		1	Tôn 8	20,880	1311,264
Thay vách giữa	m	5,8	3,2		1	Tôn 8	18,560	1165,568
Vá cabin phải	m	2,20	1,82		1	Tôn 8	4,004	251,451
Vá cabin trái	m	2,10	1,52		1	Tôn 8	3,192	200,4576
Riêm mác cabin	m	17,28	0,50		1	Tôn 8	8,640	542,59
Cửa	m	1,85	0,90		2	Tôn 8	3,330	209,12
		0,60	0,40		8	Tôn 8	1,920	120,58
Biển số 2 bên cabin	m	1	0,5		2	Tôn 8	1,00	62,80
Thay mặt bong phải	m	7,72	0,77		1	Tôn 8	5,944	373,31
	m	1,14	0,65		1	Tôn 8	0,741	46,53
Thay mặt bong trái	m	6,21	0,66		1	Tôn 8	4,099	257,39
Tổng cộng							445,005	27946,314

ết luận:

ị bên cùng khảo sát khối lượng Khảo sát trên để làm căn cứ thi công của bên B.
ên bản được lập thành 02 bản mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI
ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký, đóng dấu)

CÔNG TY
T.N.HH
MỘT THÀNH VIÊN
TÂN TRƯỜNG GIANG
ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, đóng dấu) GIÁM ĐỐC

Biểu 2.23: Bảng dự toán vật tư sửa chữa .

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BẢNG DỰ TOÁN VẬT TƯ SỬA TÀU HD 1456

ĐẠI DIỆN BÊN A: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI TRƯỜNG THÀNH

Đã: Đào Thị Đàm

Chức vụ: Giám Đốc

Nguyễn Thị Hương

Chức vụ: Kế toán

ĐẠI DIỆN BÊN B: CÔNG TY TNHH MTV TÂN TRƯỜNG GIANG HD

Đã: Lê Thị Nhung

Chức vụ: Giám Đốc

Cùng nhau tiến hành lập dự toán cho việc sửa tàu HD 1456 như sau:

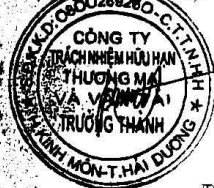
Diễn giải	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
Tôn 8ly	Kg	28.000	12.500	350.000.000	
Que hàn	Kg	1.100	19.091	21.000.000	
Ôxy	Bình	127	55.000	7.000.000	
Ga	Kg	525	26.667	14.000.000	
Cát vàng	M3	41	204.545	8.386.345	
Sơn	Lít	801	90.000	72.090.000	
Tổng giá trị dự toán				472.476.345	

g chữ: Bốn trăm bảy mươi hai triệu, bốn trăm bảy mươi sáu nghìn, ba trăm bốn năm đồng./

Từ lạc, ngày 22 tháng 03 năm 2013

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
ĐÀO THỊ ĐÀM

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
LÊ THỊ NHUNG

Biểu 2.24 : Biên bản nghiệm thu chi tiết.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC**

BIÊN BẢN NGHIỆM THU CHI TIẾT

"V/v sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải thủy tàu HD 1456"

Ngày nay ngày 23 tháng 04 năm 2013

Văn phòng Công ty TNHH MTV Tân Trường Giang HD

ĐẠI DIỆN BÊN A: C.TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI TRƯỜNG THÀNH

Đã : Đào Thị Đàm

Chức vụ: Giám đốc

Đã : Nguyễn Thị Hương

Chức vụ: Kế toán

ĐẠI DIỆN BÊN B: CÔNG TY TNHH MTV TÂN TRƯỜNG GIANG HD

Đã: Lê Thị Nhung

Chức vụ: Giám đốc

cùng nhau nghiệm thu khối lượng công việc các hạng mục sửa chữa và BD tàu HD - 1456

Diễn Giải	ĐVT	Dài	Rộng	Số lượng	Vật tư	Tổng m2	Khối lượng kg
Phần sửa chữa							
Thay la canh khoang mũi	m	14,2	5,9	1	Tôn 8	83,780	5261,384
Thay la canh khoang lái	m	14,25	5,9	1	Tôn 8	84,075	5279,910
Thay mạn trong khoang mũi	m	14,2	3,6	2	Tôn 8	102,240	6420,672
Thay mạn trong khoang lái	m	14,25	3,6	2	Tôn 8	102,600	6443,28
Thay vách mũi	m	5,8	3,6	1	Tôn 8	20,880	1311,264
Thay vách giữa	m	5,8	3,2	1	Tôn 8	18,560	1165,568
Vá cabin phải	m	2,20	1,82	1	Tôn 8	4,004	251,451
Vá cabin trái	m	2,10	1,52	1	Tôn 8	3,192	200,458
Rèm mái cabin	m	17,28	0,50	1	Tôn 8	8,640	542,592
Cửa	m	1,85	0,90	2	Tôn 8	3,330	209,124
	m	0,60	0,40	8	Tôn 8	1,920	120,576
Biển số 2 bên cabin	m	1	0,5	2	Tôn 8	1,00	62,80
Thay mặt bong phải	m	7,72	0,77	1	Tôn 8	5,944	373,308
	m	1,14	0,65	1	Tôn 8	0,741	46,535
Thay mặt bong trái	m	6,21	0,66	1	Tôn 8	4,099	257,392
Tổng cộng						445,005	27946,314
Phần hàn dịch vụ							
Hàn hộp số tờ neo	Que			50	Que hàn, ga, oxy		
Hàn bản lề cửa và nắp hầm	Que			30	Que hàn, ga, oxy		

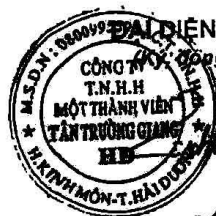
Hàn bỏ hộp	Que		25	Que hàn, ga, oxy		
Hàn giống vào vòng kênh gáy	Que		30	Que hàn, ga, oxy		
Tổng cộng			143			

Kết luận

Đi bên cùng thống nhất khối lượng nghiệm thu trên để làm căn cứ thanh toán của bên B.
bản được lập thành 02 bản mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.



ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký, đóng dấu)
GIÁM ĐỐC
ĐÀO THỊ ĐAM



ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, đóng dấu)
GIÁM ĐỐC
LÊ THỊ NHUNG

Biểu 2.25: Biên bản bàn giao phương tiện.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----0o0-----

Từ Lạc, ngày 23 tháng 04 năm 2013

**BIÊN BẢN BÀN GIAO XUẤT XƯỞNG
ĐƯA PHƯƠNG TIỆN VÀO SỬ DỤNG**

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế số: 06/HĐKT - 2013 Ký ngày 22 tháng 03 năm 2013 "V/v sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải thủy tàu **HD - 1456**" ký giữa Công Ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành và Công Ty TNHH MTV Tân Trường Giang HD.

- Căn cứ vào Bảng quyết toán chi tiết ngày 23 tháng 04 năm 2013.

Hôm nay, ngày 23 tháng 04 năm 2013, tại văn phòng Công ty TNHH MTV Tân Trường Giang HD.

- Địa chỉ: Khu Từ Lạc 1 - TT Minh Tân - Kinh Môn - Hải Dương.

THÀNH PHẦN GỒM CÓ:

BÊN A: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI TRƯỜNG THÀNH

- Đại diện Bà : **Đào Thị Đằm**

Chức vụ: Giám Đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH MTV TÂN TRƯỜNG GIANG HD

- Đại diện Bà : **Lê Thị Nhung**

Chức vụ: Giám Đốc

Hai bên thống nhất khối lượng công việc đã hoàn thành dưới sự giám sát của cả hai bên và tiến hành bàn giao tàu **HD - 1456** sau khi sửa chữa và bảo dưỡng xong tại Công ty TNHH MTV Tân Trường Giang HD với nội dung sau:

- Thời gian tiến hành sửa chữa và bảo dưỡng từ ngày 01/04/2013 đến ngày 23/04/2013.

- Khối lượng công việc : Theo biên bản khảo sát ký ngày 22/03/2013.

*/ Chất lượng: Đạt yêu cầu bên A đưa ra.

*/ Kết luận

Hai bên nhất trí bàn giao và đưa vào sử dụng tàu **HD - 1456** kể từ ngày 23/04/2013.

Biên bản lập xong hai bên thông qua nhất trí, ký tên.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC
ĐÀO THỊ ĐẰM

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC
LÊ THỊ NHUNG

Biểu 2.26: Hóa đơn GTGT.

 In tại Công ty Cổ phần in Tân Tiến - ĐT: 0320.3500.032 - MST: 08000845493

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.27: Biên bản quyết toán.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BIÊN BẢN QUYẾT TOÁN

"V/v sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải thủy tàu HD 1456"

m nay ngày 23 tháng 04 năm 2013

Van phòng C.ty TNHH MTV Tân Trường Giang HD chúng tôi gồm:

ĐẠI DIỆN BÊN A: C.TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI TRƯỜNG THÀNH

Bà: Đào Thị Đàm

Chức vụ : Giám đốc

Bà: Nguyễn Thị Hương

Chức vụ : Kế toán

ĐẠI DIỆN BÊN B: C.TY TNHH MTV TÂN TRƯỜNG GIANG HD

Bà: Lê Thị Nhung

Chức vụ : Giám Đốc

Cùng nhau quyết toán khối lượng công việc sửa chữa và BD tàu **HD 1456** với nội dung sau

T	DIỄN GIẢI	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
	Sửa chữa và bảo dưỡng tàu HD1456	m2	445,005	1.200.000	534.006.000	
	Phản hàn dịch vụ	Que	143	5.000	715.000	
	Cộng giá trị quyết toán	m2			534.721.000	

(Giá trên đã bao gồm 10% thuế GTGT)

ng chữ: Năm trăm ba mươi tư triệu, bảy trăm hai mươi mốt nghìn đồng chẵn./

Từ Lạc, ngày 23 tháng 04 năm 2013

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC
ĐÀO THỊ ĐÀM

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC
LÊ THỊ NHUNG

Biểu 2.28 :Biên bản thanh lý hợp đồng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Từ Lạc, ngày 23 tháng 04 năm 2013

THANH LÝ HỢP ĐỒNG KINH TẾ
Số: 06/HĐKT - 2013

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế số: 06/HĐKT - 2013 Ký ngày 22 tháng 03 năm 2013 V/v sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải thủy tàu **HD - 1456**" ký giữa Công Ty TNHH Thương mại và vận tải Trường Thành và Công Ty TNHH MTV Tân Trường Giang HD.

- Căn cứ vào biên bản nghiệm thu, biên bản quyết toán ngày 23 tháng 04 năm 2013.

- Hôm nay ngày 23 tháng 04 năm 2013, tại văn phòng - Công Ty TNHH MTV Tân Trường Giang HD chúng tôi gồm có.

ĐẠI DIỆN HAI BÊN

BÊN A: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI TRƯỜNG THÀNH .

Đại diện Bà : ĐÀO THỊ ĐÀM Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : TT Minh Tân - Kinh Môn - Hải Dương

Điện thoại : 03203.522.185

Mã số thuế : 0800.289.260

Tài khoản số : 102010000355511 - NH Công Thương Nhì Chiểu

BÊN B: C.TY TNHH MTV TÂN TRƯỜNG GIANG HD

Đại diện Bà : LÊ THỊ NHUNG Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Từ Lạc - TT Minh Tân - Kinh Môn - Hải Dương

Điện thoại : 0904.08.2255

Mã số thuế : 0800.995.594

Tài khoản số : 102010001576328 - NH Công Thương Nhì Chiểu

Hai bên cùng nhau thỏa thuận, thống nhất thanh lý HĐKT số 06/HĐKT - 2013 ký ngày 22 tháng 03 năm 2013 với nội dung sau:

1. KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC BẢO DƯỠNG:

- Khối lượng công việc: - Theo bảng quyết toán chi tiết ngày 23/04/2013 kèm theo.

- Chất lượng đạt yêu cầu kỹ thuật với sự giám sát của bên B.

Tổng giá trị quyết toán là: 534.721.000 đ

Trong đó:

Giá trị quyết toán trước thuế: 486.110.000 đ

Thuế GTGT 10%: 48.611.000 đ

(Bằng chữ: Năm trăm ba mươi tư triệu, bảy trăm hai mươi một nghìn đồng chẵn.)

2. THANH TOÁN:

- Tổng số tiền bên A phải thanh toán theo giá trị quyết toán ghi trên Hóa đơn GTGT là: **534.721.000** đồng.

- Thời gian từ ngày 23/04/2013 đến ngày 23/07/2013 bên A phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ trên cho bên B. Nếu trong thời gian trên mà bên A vẫn chưa thanh toán thì số tiền bên A còn nợ được tính lãi theo lãi suất của ngân hàng.

KẾT LUẬN:

Hai bên cùng nhau thống nhất hợp đồng số: 06/HĐKT - 2013 đã được thực hiện nghiêm túc theo đặt hàng của bên A và thống nhất thanh lý HĐKT số: 06/HĐKT - 2013.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
ĐÀO THỊ ĐAM

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
LÊ THỊ NHUNG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.29: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH TM và VT Trường Thành
Địa chỉ: Khu đô thị mới TT Minh Tân-Kinh Môn-Hải Dương

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm: 2013

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
13/4	PX267	13/4	Bán hàng chưa thu tiền			632	403.550.000	
13/4	PX267	13/4	Bán hàng chưa thu tiền			156		403.550.000
15/4	HĐ1256	15/4	Bán hàng chưa thu tiền			131	550.000.000	
15/4	HĐ1256	15/4	Bán hàng chưa thu tiền			511		500.000.000
15/4	HĐ1256	15/4	Bán hàng chưa thu tiền			333		50.000.000
								
23/4	HD000026	23/4	Sửa chữa tàu HD1456			142	486.110.000	
23/4	HD000026	23/4	Sửa chữa tàu HD1456			133	48.611.000	
23/4	HD000026	23/4	Sửa chữa tàu HD1456			331		534.721.000
24/4	PC104	24/4	Thanh toán tiền vay			311	100.000.000	
24/4	PC1104	24/4	Thanh toán tiền vay			111		100.000.000
25/4	PT187	25/4	Rút tiền gửi về nhập quỹ			111	200.000.000	
25/4	PT187	25/4	Rút tiền gửi về nhập quỹ			1121		200.000.000
			Cộng phát sinh cả năm			X	145.214.024.813.990	145.214.024.813.990

_Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

_Ngày mở sổ:.....

Người lập sổ

(Ký, họ tên)

Bùi Thị Ngọc

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Thanh Hương

Ngày....tháng....năm....

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đào Thị Đàm

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.30 : Sổ cái TK142.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI TRƯỜNG THÀNH

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/02/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm :2013

Tên tài khoản: Chi phí trả trước ngắn hạn

Số hiệu tài khoản :142

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đ.ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	Stt dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			<u>Số dư đầu tháng 4</u>				<u>973.765.987</u>	
23/4	HD 0000026	23/4	Sửa tàu HD 1456			331	486,110,000	
								
			<u>Cộng số phát sinh</u>	X	X	X	486,110,000	124.256.286
			<u>Số dư cuối kỳ</u>	X	X	X	<u>1.335.619.701</u>	

_Số này có.....trang,đánh số từ trang số 01 đến trang.....

_Ngày mở sổ:.....

Ngày....tháng....năm....

Người lập sổ

(Ký,họ tên)

Bùi Thị Ngọc

Kế toán trưởng

(Ký ,họ tên)

Nguyễn Thị Thanh Hương

Giám đốc

(Ký,họ tên,đóng dấu)

Đào Thị Đàm

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI TRƯỜNG THÀNH

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán TSCĐ tại Công ty

3.1.1. Ưu điểm của công tác kế toán TSCĐ tại Công ty

3.1.1.1 Về công tác kế toán nói chung

** Tổ chức bộ máy quản lý*

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với đặc điểm và quy mô hoạt động của Công ty. Các phòng ban được quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và thực hiện tốt các yêu cầu quản lý, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí và sử dụng lao động hiệu quả cho công ty.

** Bộ máy kế toán*

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung nhằm thực hiện chức năng kiểm tra giám sát đầy đủ và chặt chẽ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phù hợp với tình hình thực tế của công ty. Bộ máy kế toán đã thể hiện rõ vai trò quan trọng của mình trong tham mưu cho các nhà quản lý trong việc tạo ra các quyết định kinh tế. Với mô hình tổ chức này, năng lực của kế toán viên được khai thác một cách hiệu quả đồng thời hạn chế việc tiêu hao công sức.

** Hệ thống chứng từ sổ sách*

Hệ thống chứng từ tại Công ty được lưu trữ theo đúng chế độ đảm bảo khoa học trong việc truy cập và tìm kiếm thông tin. Hàng tháng, hàng quý các chứng từ gốc được tập hợp theo từng nhóm, từng chủng loại khác nhau. Chứng từ của 5 năm tài chính liên tiếp được lưu trữ trong các ngăn tài liệu, luôn sẵn sàng cho các cuộc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán tài chính

Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành sử dụng hệ thống sổ sách đúng theo quy định của nhà nước. Công tác theo dõi, quản lý và ghi chép sổ sách được thực hiện tương đối đầy đủ. Với đặc thù ngành sản xuất kinh doanh có số lượng nghiệp vụ lớn và đa dạng việc áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung” là rất phù hợp, góp phần giải quyết một khối lượng không nhỏ công việc cho các kế toán viên.

3.1.1.2 Về công tác hạch toán kế toán TSCĐ nói riêng.

- *Kế toán tổng hợp tài sản cố định.*

Kế toán tổng hợp TSCĐ không chỉ đảm bảo được tính chính xác cao về mặt số liệu, tính đầy đủ về mặt nội dung và sự khoa học trong cách trình bày và báo cáo đã giúp cho các nhà quản lý nắm bắt được tình hình sử dụng TSCĐ trong Công ty một cách chi tiết, đúng đắn nhằm đưa ra các quyết định sáng suốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- *Công tác theo dõi và tính khấu hao TSCĐ.*

Kế toán TSCĐ đã lựa chọn phương thức khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng không chỉ đơn giản dễ thực hiện mà còn phù hợp với tính chất ổn định trong hoạt động kinh doanh của đơn vị.

- *Công tác quản lý tài sản cố định*

Tài sản cố định được công ty kiểm kê, đánh giá vào thời điểm cuối năm. Việc này giúp cho công ty có khả năng kiểm soát được tình hình giá trị và hiện trạng của TSCĐ đang được sử dụng tại công. ty. Căn cứ vào kết quả kiểm kê hàng năm, công ty đã có những biện pháp giải quyết kịp thời. Ngoài ra việc kiểm kê giúp cho các nhà quản lý định ra được phương hướng đầu tư vào TSCĐ cũng như việc đề ra những biện pháp thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản cố định.

3.1.2. Hạn chế:

3.1.2.1 Về công tác kế toán nói chung

Nhìn chung chứng từ luân chuyển trong công ty còn chậm làm ảnh hưởng đến tốc độ của công tác hạch toán kế toán tại doanh nghiệp. Việc chứng từ luân chuyển chậm như trên là do nhiều nguyên nhân chủ yếu là 3 nguyên sau: *Thứ nhất:* Do trình độ kế toán trong công ty là chưa đồng đều dẫn đến việc chứng từ được lưu chuyển từ các tầu còn chậm. *Thứ hai* Là do quan niệm về công tác kế toán của các cán bộ nhân viên chức nói chung và cán bộ kế toán nhiều khi còn coi nhẹ, không tập trung vào công tác đẩy mạnh việc đưa chứng từ vào lưu chuyển, việc xử lý chứng từ không được giải quyết.

3.1.2.2 Về công tác kế toán TSCĐ.

Trong việc hạch toán chi tiết tài sản cố định Công ty đã thực hiện tương đối đầy đủ các quy định về chứng từ kế toán, tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số mặt sau:

- Công ty không theo dõi chi tiết tình hình sử dụng các tài sản cố định ở các đơn vị sử dụng. Điều này dẫn đến tình trạng là việc quản lý về giá trị không thống nhất với việc quản lý về mặt hiện vật không ràng buộc trách nhiệm vật chất của người sử dụng tài sản cố định trong trường hợp xảy ra mất mát hư hỏng TSCĐ.

- Công ty không mở thẻ TSCĐ và sổ TSCĐ. Nếu xét trên góc độ hạch toán chi tiết thì rõ ràng việc không mở thẻ và sổ TSCĐ sẽ thực sự khó khăn cho việc sắp xếp, phân loại, kiểm kê và theo dõi TSCĐ.

- Kế toán TSCĐ đã phân bổ sai tài khoản chi phí khấu hao TSCĐ. Toàn bộ chi phí khấu hao TSCĐ được đưa vào TK 642 trong khi đó ngoài các xe ô tô con thì đa số các TSCĐ còn lại đều phục vụ cho hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải và phải đưa vào TK 627.

- Công ty chưa đưa phần mềm kế toán vào sử dụng.

Mọi sổ sách của công ty đều làm thủ công, việc ghi chép trên Excel và theo dõi rất mất thời gian, hơn nữa công tác lưu trữ cũng sẽ gặp không ít khó khăn. Trong khi đó trình độ kế toán trong công ty lại không đồng đều rất dễ dẫn đến việc sai sót và có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công ty hiện đang sử dụng mẫu “Bảng tính và phân bổ khấu hao” không đúng quy định

3.2 Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện

Trong thời kỳ đổi mới hiện nay, công tác kế toán luôn được chú trọng ở tất cả các doanh nghiệp vì tầm quan trọng của nó. Chức năng kế toán là ghi chép và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kinh doanh của một doanh nghiệp. Ngoài ra kế toán còn cung cấp thông tin cho rất nhiều đối tượng trong và ngoài doanh nghiệp. Đối với các nhà quản lý, các thông tin này giúp cho họ có những cơ sở để đưa ra những quyết định kinh tế phù hợp với các nhà đầu tư, các thông tin này là cơ sở để ra các quyết định đầu tư.

Việc hạch toán và quản lý tài sản cố định có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và là một bộ phận không thể thiếu trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong điều kiện ngày càng có thêm nhiều đối thủ cạnh tranh trên thị trường hiện nay, kế toán là công cụ hữu hiệu để công ty có thể phân tích được tình hình tài sản của mình, từ đó có hướng đầu tư và phương pháp quản lý thích hợp để tạo

nên sức mạnh nội lực. Việc hạch toán và quản lý TSCĐ hiện nay tại Công ty cần được hoàn thiện để đáp ứng những nhu cầu trên.

3.2.2 . Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành.

3.2.2.1 Hoàn thiện công tác kế toán chi tiết TSCĐ.

Để theo tài sản cố định theo từng loại tài sản, theo em Công ty nên mở “Sổ tài sản cố định” theo mẫu sổ mà nhà nước quy định. Sổ TSCĐ được mở để theo dõi tình hình tăng, giảm, hao mòn theo từng loại tài sản doanh nghiệp, mỗi tài sản được ghi riêng một sổ hoặc một sổ trang của sổ. Căn cứ để ghi sổ là các chứng từ tăng, giảm và khấu hao TSCĐ

Tại các bộ phận sử dụng cần mở “Sổ theo dõi TSCĐ tại đơn vị sử dụng” để theo dõi cả về giá trị và hiện vật TSCĐ theo từng bộ phận sử dụng và là căn cứ để đối chiếu khi tiến hành kiểm kê tài sản. Căn cứ để ghi sổ theo dõi TSCĐ theo đơn vị sử dụng là các chứng từ gốc về tăng, giảm TSCĐ và thẻ TSCĐ.

Ngoài ra công ty nên mở thẻ TSCĐ cho từng tài sản. Thẻ TSCĐ do phòng kế toán lập khi TSCĐ bắt đầu xuất hiện tại doanh nghiệp. Thẻ được lập cho từng loại tài sản và được lưu ở phòng kế toán. Căn cứ lập thẻ TSCĐ dựa vào: biên bản giao nhận TSCĐ, HĐGTGT....

Mẫu “Thẻ TSCĐ”, “Sổ TSCĐ” và “Sổ theo dõi TSCĐ theo đơn vị sử dụng” có thể được mở như sau:

Biểu 3.1: Mẫu Thẻ TSCĐ

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Số:.....

Ngày ...tháng ... năm ...

Căn cứ vào biên bản bàn giao TSCĐ ngày ...tháng ... năm ...

Tên, ký hiệu TSCĐ:

Bộ phận sử dụng: Năm sử dụng

Công suất thiết kế:.....

Đình chỉ TSCĐ : ngày .. tháng... năm.

Lý do đình chỉ.....

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá TSCĐ			Giá trị hao mòn		
	Ngày tháng	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
A	B	C	1	2	3	4

Số TT	Tên, quy cách dụng cụ, phụ tùng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị
A	B	C	1	2

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số....ngày ...tháng... năm..

Lý do giảm.....

Người lập
(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký,họ tên)

Giám đốc
(Ký,họ tên,đóng dấu)

Biểu 3.2: Mẫu Sổ TSCĐ

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S21-DN

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm:.....

Loại tài sản:.....

Số TT	Ghi tăng TSCĐ							Khấu hao TSCĐ			Ghi giảm TSCĐ		
	Chứng từ		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước sản xuất	Tháng, năm đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		Khấu hao đã tính đến khi ghi giảm TSCĐ	Chứng từ		Lý do giảm TSCĐ
	Số hiệu	Ngày, tháng						Tỷ lệ (%) khấu hao	Mức khấu hao		Số hiệu	Ngày,tháng năm	
A	B	C	D	E	G	H	1	2	3	4	I	K	L
			Cộng	x	x	x					x	x	x

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.3: Mẫu Sổ theo dõi TSCĐ theo đơn vị sử dụng

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S22-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ THEO DÕI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI NƠI SỬ DỤNG

Năm:.....

Tên đơn vị (phòng ban hoặc người sử dụng):.....

Ghi tăng tài sản cố định và công cụ dụng cụ							Ghi giảm tài sản cố định và công cụ dụng cụ					Ghi chú
Chứng từ		Tên, nhãn hiệu, quy cách tài sản cố định và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Chứng từ		Lý do	Số lượng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày, tháng							Số hiệu	Ngày, tháng			
A	B	C	D	1	2	3 = 1x2	E	G	H	4	5	I

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.2.2. Hoàn thiện công tác kế toán khấu hao TSCĐ.

Hiện nay, kế toán TSCĐ đã phân bổ sai tài khoản chi phí khấu hao TSCĐ. Toàn bộ chi phí khấu hao TSCĐ được đưa vào TK 642 trong khi đó ngoài các xe ô tô con thì đa số các TSCĐ còn lại đều phục vụ cho hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải và phải đưa vào TK 627. Bên cạnh đó, công ty đang sử dụng mẫu “Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ” không đúng theo quy định. Theo em, công ty nên lập “Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ” theo quy định của Bộ Tài Chính như Biểu 3.4 đồng thời kiểm tra lại nơi sử dụng của từng TSCĐ để phân bổ chi phí khấu hao cho đúng đối tượng

Biểu 3.4: Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

Mẫu số :06-DN.

Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

- Đơn vị:

- Bộ phận:

Số:.....

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ

Thángnăm.....

S T T	Chỉ tiêu	Tỷ lệ khấu hao hoặc số năm sử dụng	Nơi sử dụng		TK627 Chi phí sản xuất chung	TK642 Chi phí quản lí doanh nghiệp
			Toàn DN			
			Nguyên giá	Số Khấu hao		
A	B	1	2	3	4	5
	I.Số khấu hao đã trích tháng trước.					
	II.Số khấu hao tăng trong tháng này.					
	III.Số khấu hao giảm trong tháng này					
	IV.Số khấu hao trích tháng này. (I+II-III)					

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

3.2.2.3 Hiện đại hóa công tác Kế toán.

Cùng với sự phát triển của Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành ,khối lượng công việc cũng tăng ngày một nhiều.Thay vì sử dụng các ứng dụng của MICROSOFT OFFICE thì Công ty nên xem xét và lập kế hoạch mua phần mềm kế toán có sẵn hoặc thuê lập trình phần mềm riêng phù hợp với Doanh nghiệp (tuy nhiên phương án này có chi phí rất cao).

Dưới đây là một số hiểu biết chung của em về một số phần mềm kế toán đang được sử dụng rộng rãi trên thị trường để giúp công ty có được phương án lựa chọn phù hợp.

1. Phần mềm kế toán MISA

- Giao diện màn hình chính.



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Giá thành sản phẩm:

Gói Sản phẩm/ Dịch vụ	Đơn giá (VND)	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết
Phần mềm Kế toán Doanh nghiệp MISA SME.NET 2012 Desktop			
Leasing	2.000.000	GPSD/năm	- Không hạn chế tính năng - Đăng ký tối thiểu 04 GPSD/lần hoặc 01 GPSD trong 04 năm hoặc 02 GPSD trong 02 năm
Standard	6.450.000	Gói	Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2012 - 07 phân hệ: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Kho, Thuế, Tổng hợp) ⁽¹⁾
Professional	7.450.000	Gói	Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2012 - 09 phân hệ: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Kho, Thuế, Tổng hợp, Tài sản cố định, Tiền lương) ⁽¹⁾
Enterprise	9.950.000	Gói	Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2012 - đầy đủ 13 phân hệ: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Kho, Thuế, Tổng hợp, Tài sản cố định, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Cổ đông, Ngân sách ⁽¹⁾
Dịch vụ			
Đào tạo tập trung	950.000	Người/khóa	Đào tạo tập trung 02 ngày tại Hà Nội, HCM, Đà Nẵng hoặc Buôn Ma Thuột, Cần Thơ
Đào tạo trực tiếp tại đơn vị	4.000.000	Khóa	- Đào tạo hướng dẫn sử dụng phần mềm trực tiếp tại đơn vị trong 02 ngày cho ≤ 10 cán bộ áp dụng đối với khách hàng tại Hà Nội, Đà Nẵng, Buôn Ma Thuột, HCM, Cần Thơ. Khách hàng ở ngoài địa điểm trên phải trả thêm phí đi lại, ăn nghỉ cho cán bộ MISA. - Khách hàng chịu trách nhiệm bố trí máy móc, thiết bị phục vụ cho việc đào tạo.
Thay đổi GPSD	650.000	GPSD/Lần	Áp dụng cho tất cả các gói sản phẩm

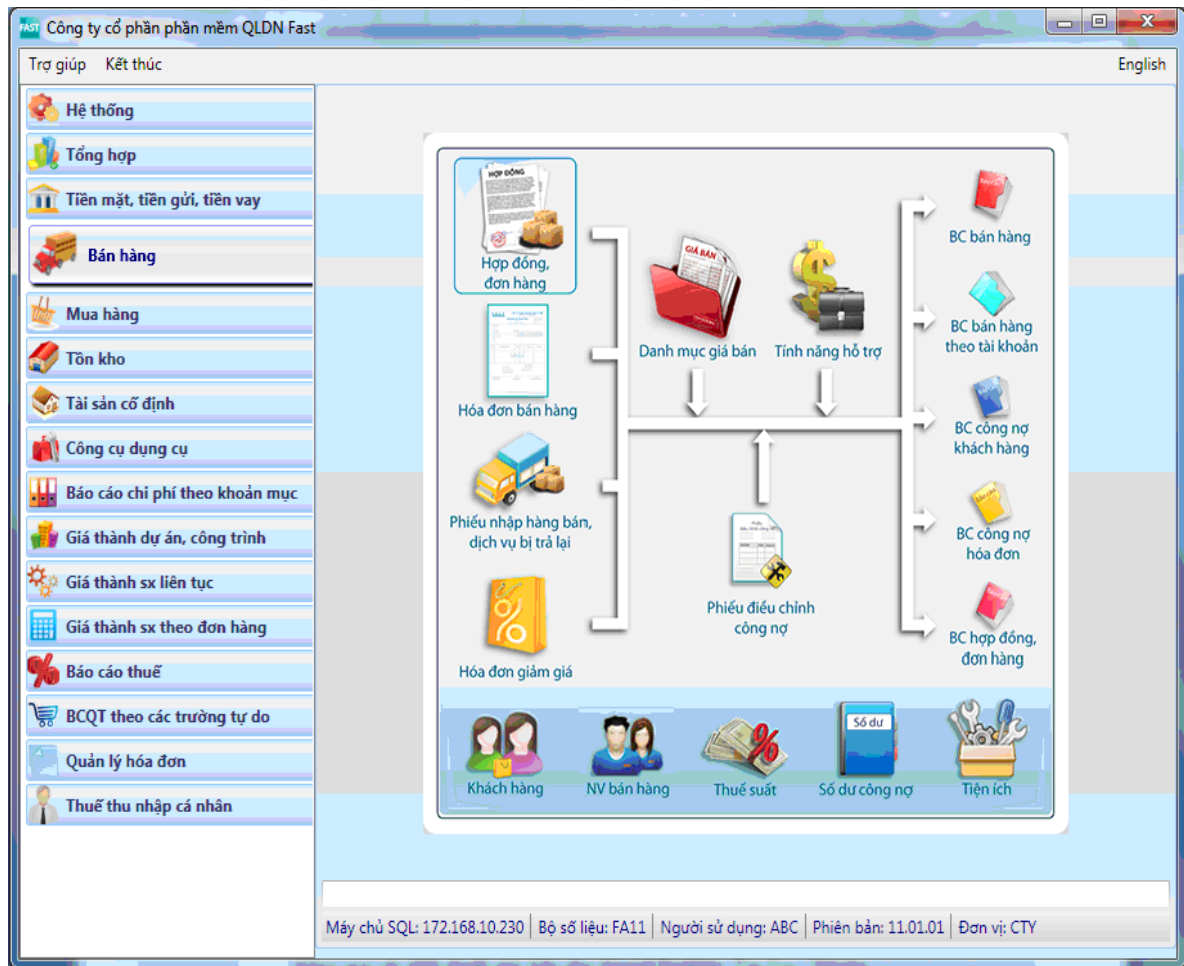
Ưu điểm:

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng 01 Phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đang dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.
- Đặc biệt, phần mềm cho phép tạo nhiều CSDL, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên 01 CSDL độc lập.
- Điểm đặc biệt nữa ở MISA mà chưa có phần mềm nào có được đó là thao tác Lưu và Ghi sổ dữ liệu.
- Tính chính xác: số liệu tính toán trong misa rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.
- Tính bảo mật: Vì MISA chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao. Cho đến hiện nay thì các phần mềm chạy trên CSDL SQL; .NET;... hầu như giữ nguyên bản quyền (trong khi một số phần mềm viết trên CSDL Visual fox lại bị đánh cắp bản quyền rất dễ).

Nhược điểm:

- Vì có SQL nên MISA đòi hỏi cấu hình máy tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm chạp.
- Tốc độ xử lý dữ liệu chậm, đặc biệt là khi cập nhật giá xuất hoặc bảo trì dữ liệu.
- Phân hệ tính giá thành chưa được nhà SX chú ý phát triển.
- Các báo cáo khi kết xuất ra excell sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.

2. Phần mềm kế toán Fast Accounting



- Giá thành sản phẩm:

- *Giá sản phẩm và dịch vụ: 3.500.000đ/1 bản.*

Giá trên bao gồm:

Bộ cài đặt phần mềm (tải từ trên website của FAST hoặc FAST sẽ gửi đĩa CD).

Cấp tên bản quyền cho đơn vị/cá nhân sử dụng.

Cài đặt, đào tạo và tư vấn ban đầu tại VP của khách hàng: không quá 3 buổi (không quá 3 giờ/1 buổi) đối với các khách hàng tại Hà Nội cũ, TP HCM và Đà Nẵng.

Bảo hành, tư vấn và hỗ trợ sử dụng từ xa qua chat, diễn đàn, điện thoại, teamviewer hoặc tại văn phòng của FAST trong vòng 1 năm.

- *Giá dịch vụ bảo hành, tư vấn và hỗ trợ hàng năm: 1.500.000đ/1 năm.*

Bảo hành, tư vấn và hỗ trợ sử dụng được thực hiện từ xa qua chat, diễn đàn, điện thoại, teamviewer hoặc tại văn phòng của FAST.

Không quá 3 buổi (3 tiếng/1 buổi) thực hiện dịch vụ tại khách hàng trong trường hợp không thể thực hiện được từ xa.

Chi phí trên được tính cho khách hàng có văn phòng tại Hà Nội cũ, TP HCM và Đà Nẵng. Bên ngoài các địa điểm này thì sẽ tính thêm chi phí đi lại và lưu trú (nếu có), tùy từng trường hợp cụ thể.

- *. Giá dịch vụ cài đặt, tư vấn và hỗ trợ theo vụ việc tại VP của khách hàng: 500.000đ/1 buổi.*

Một buổi kéo dài không quá 3 giờ.

Chi phí trên được tính cho khách hàng có văn phòng tại Hà Nội cũ, TP HCM và Đà Nẵng. Bên ngoài các địa điểm này thì sẽ tính thêm chi phí đi lại và lưu trú (nếu có), tùy từng trường hợp cụ thể.

- *Giá dịch vụ chỉnh sửa mẫu in chứng từ, hóa đơn: 500.000đ/1 mẫu.*

Chỉnh sửa các mẫu hiện có trong phần mềm cài đặt, nhưng không thêm các trường thông tin chưa có trong phần mềm từ bản cài đặt.

Việc trao đổi trong quá trình chỉnh sửa và bàn giao kết quả được thực hiện từ xa qua chat, email, điện thoại, fax, teamviewer.

Ưu điểm:

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống MISA, fast có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (Báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).
- Tốc độ xử lý rất nhanh.
- Cho phép kết xuất báo cáo ra Excell với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

Nhược điểm:

- Tính bảo mật chưa cao, trong khi thao tác thường xảy ra lỗi
- Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.

3. Các phần mềm: Bravo; Comac; Vietaccount2007; Sunlight.

Ưu điểm:

Các phần mềm này giống hệt nhau về quy trình xử lý số liệu, CSDL (Visual fox), chỉ khác nhau về giao diện.

- Giao diện đẹp, dễ sử dụng, dễ cài đặt vận hành
- Các phần mềm này có phân hệ tính giá thành tuyệt vời so với MISA

Nhược điểm:

- Mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán chưa cập nhật sát chế độ kế toán (Sổ cái của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ chưa đúng).
- Tính bảo mật không cao, thường xảy ra lỗi (giống như fast).

Như vậy thông qua một số thông tin trên theo em doanh nghiệp nên chọn phần mềm hỗ trợ hạch toán kế toán MISA là phương án hợp lý nhất.

3.2.2.4. Một số giải pháp khác:

- Công ty nên tiến hành kiểm kê TSCĐ 6 tháng /năm để theo dõi được sát sao hơn hiện trạng tình sử dụng TSCĐ, đánh giá mức độ hư hỏng nhằm có những kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng hoặc mua mới TSCĐ, góp phần nâng cao chất lượng sản xuất kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn.

- Công ty nên trích trước chi phí sửa chữa TSCĐ để khi phát sinh các nghiệp vụ sửa chữa TSCĐ công ty đã có sẵn nguồn bù đắp, góp phần ổn định giá thành sản phẩm, dịch vụ. Ngoài ra việc lập trước một kế hoạch chi tiết về sửa chữa định kì cũng như sửa chữa lớn cho TSCĐ không chỉ giúp chúng bền hơn mà còn giúp cho nhà quản lý có kế hoạch phù hợp cho việc luân chuyển vốn đầu tư.

- Để công tác kế toán được thực hiện một cách đúng đắn, chuyên nghiệp và phù hợp với quy định của nhà nước, công ty nên thường xuyên có thêm các hoạt động như : Cho phép cán bộ công nhận viên học bổ sung, nâng cao nghiệp vụ và kinh nghiệm, tham gia tích cực các hoạt động của đoàn thanh niên huyện và chi cục thuế...

KẾT LUẬN

Các loại TSCĐ trong doanh nghiệp đều có giá trị lớn, thời gian sử dụng lâu dài, tham gia nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh, nó có ảnh hưởng trực tiếp tới việc tính giá thành sản phẩm và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Bởi vậy TSCĐ nếu được sử dụng đúng mục đích, phát huy được năng suất làm việc, kết hợp với công tác quản lý sử dụng TSCĐ như đầu tư, bảo quản, sửa chữa, kiểm kê, đánh giá... được tiến hành một cách thường xuyên, có hiệu quả thì sẽ góp phần tiết kiệm tư liệu sản xuất, nâng cao cả về số và chất lượng sản phẩm sản xuất và như vậy doanh nghiệp sẽ thực hiện được mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận của mình.

Trong những năm qua Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành đã thực sự quan tâm đến việc đầu tư, đổi mới tài sản cố định, hoàn thiện công tác hạch toán kế toán tài sản cố định. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được Công ty vẫn còn những tồn tại cần khắc phục.

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành, em đã có những điều tìm hiểu thực tế quá trình hạch toán kế toán tài sản cố định để có thể so sánh với những kiến thức mà em đã được trang bị ở nhà trường, đồng thời em cũng học được nhiều điều bổ ích từ việc vận dụng linh hoạt chế độ tài chính kế toán tại công ty. Trên cơ sở đó em xin đưa ra một số ý kiến bổ sung nhằm hoàn thiện hơn nữa việc hạch toán kế toán tài sản cố định tại công ty. Mặc dù đã rất cố gắng trong quá trình nhưng khoá luận của em chắc chắn không tránh được những thiếu sót. Em rất mong được sự chỉ bảo của các thầy cô giáo để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn Ths Nguyễn Thị Mai Linh và các Anh, Chị ở phòng Kế toán - Tài chính Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành đã nhiệt tình giúp đỡ em trong quá trình thực tập để em có thể hoàn thiện khoá luận tốt nghiệp của mình.

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2014

Sinh viên

Vũ Thị Ngân Anh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC của bộ trưởng bộ tài chính.
2. Chuẩn mực kế toán
3. Tài liệu.các chứng từ,sổ sách kế toán năm 2013 của công ty TNHH TM VT Trường Thành
4. GS. TS Đặng Thị Loan (năm xuất bản), giáo trình “ kế toán tài chính trong các doanh nghiệp”, nhà xuất bản, nơi xuất bản
5. PGS. TS Nguyễn Văn Công (2006), “lý thuyết thực hành kế toán tài chính”, nhà xuất bản Đại học kinh tế Quốc dân, Hà Nội.